

LUẬT KHOA

tạp chí

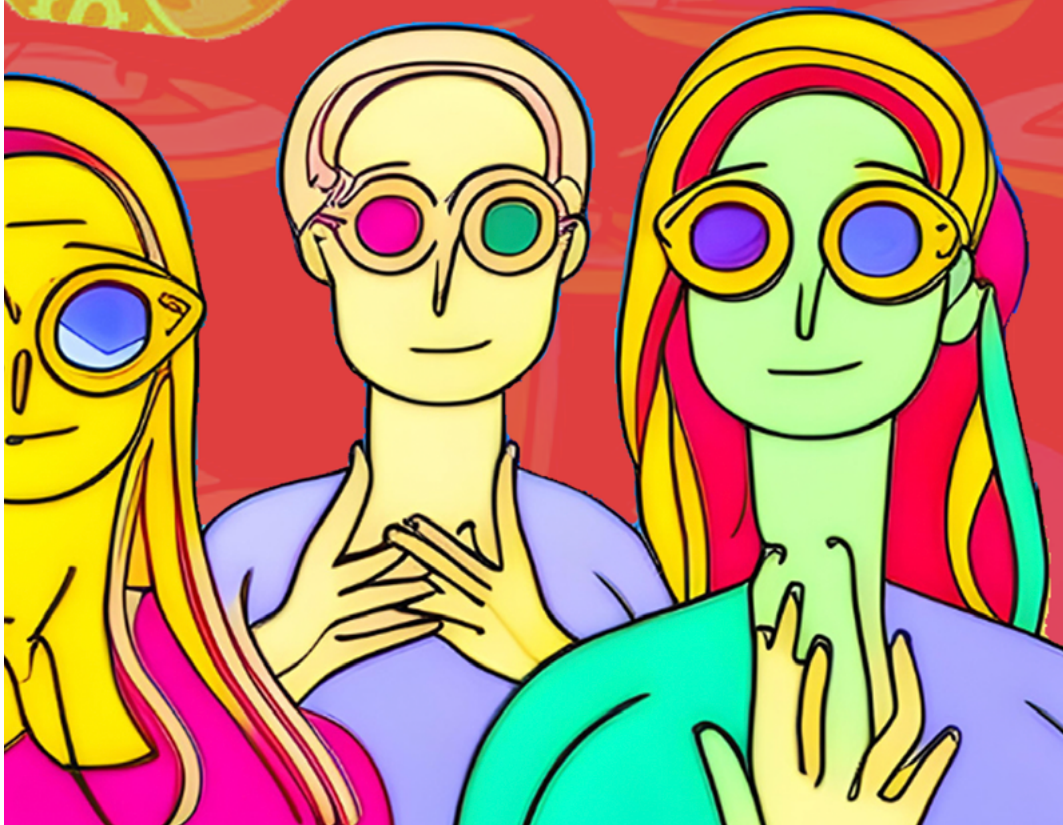
ẢO ẢNH TRUNG LƯU Ở VIỆT NAM

Khi nào giới quan chức
trở thành “mục tiêu
hợp lý” trong xung đột
vũ trang quốc tế?

Diễn ngôn về nhân quyền
trong EVFTA có đang
mất dần giá trị
ở Việt Nam?

“Tiêu chuẩn kép”
khi ứng xử với
nghề bói toán?

Phá vỡ nhị nguyên giới
có gây nên rắc rối
cho xã hội?



Luật Khoa tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell
Suite B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoàn Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
bbt@mail.luatkhoa.org.

© Từ 2014

Luật Khoa tạp chí
Số tháng Sáu, 2023
Phát hành ngày 01/06/2023.

Phiên bản PDF và EPUB
của Luật Khoa tạp chí nằm trong
các gói “Member” (\$2/tháng)
và “Supporter” (\$5/tháng)
trên www.luatkhoa.com.

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận.
Toàn bộ doanh thu được tái đầu tư
để phát triển tạp chí.

LỜI TÒA SOẠN:

Ra mắt Thư viện Trực tuyến Luật Khoa

Hôm nay, 1/6/2023, ngày phát hành số báo tháng Sáu của Luật Khoa, và cũng là ngày Thư viện Luật Khoa chính thức ra mắt quý độc giả tại địa chỉ luatkhoa.libraria.com.

Bạn có thể kỳ vọng gì ở thư viện trực tuyến này?

Nếu bạn là độc giả trả phí/ đóng góp cho Luật Khoa, bạn sẽ được cấp tài khoản truy cập và tải các số báo tháng của Luật Khoa. Đây cũng là kênh phát hành chính của các số báo tháng.

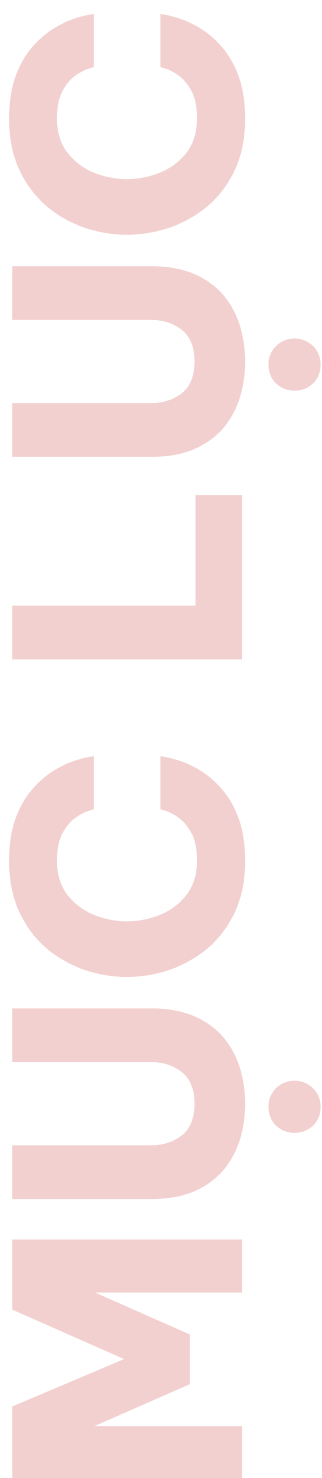
Luật Khoa sẽ lần lượt công bố một số danh mục tài liệu mà chúng tôi sưu tầm được, cùng với link tải các tài liệu này, cho công chúng truy cập miễn phí. Trong ngày ra mắt 1/6 này, chúng tôi công bố danh mục sách đầu tiên: một phần bộ sách Việt Nam Cộng hòa đã được Luật Khoa số hoá.

Trong thời gian tới, Luật Khoa sẽ tiếp tục công bố bộ sách Việt Nam Cộng hòa cũng như các danh mục tài liệu (kèm theo link tải) liên quan tới luật, chính trị, nhân quyền, báo chí, và các đề tài khác.

Đây là nỗ lực mới của Luật Khoa trong việc phổ biến kiến thức tới đông đảo bạn đọc. Nếu bạn ủng hộ nỗ lực này, hãy cân nhắc đăng ký thành viên trên website luatkhoa.com (\$2/tháng hoặc \$5/tháng).

Xin chân thành cảm ơn bạn.

Ban biên tập



- 04** *Vincente Nguyen*
Diễn ngôn về nhân quyền trong EVFTA có đang mất dần giá trị ở Việt Nam?
- 08** *Nguyễn Quốc Tấn Trung*
Khi nào giới quan chức trở thành “mục tiêu hợp lý” trong xung đột vũ trang quốc tế?
- 14** *Nguyễn Quốc Tấn Trung*
Ảnh hưởng trung lưu ở Việt Nam
- 19** *Văn Tâm*
“Tiêu chuẩn kép” khi ứng xử với nghề bói toán?
- 24** *Văn Tâm*
Samten Hills Dalat và các trung tâm thiền của Mật tông có nằm ngoài vòng vây kiểm soát tôn giáo?
- 28** *Văn Tâm*
Các dòng truyền thừa Mật tông đang tăng cường sự hiện diện ở Việt Nam

34 *Vincente Nguyen*
**Vì sao các chế độ cộng sản ở
Đông Dương ứng xử khác nhau
trong vấn đề tôn giáo?**

40 *Trịnh Hữu Long*
Đọc sách cùng Đoàn Trang
**“Thời của thánh thần” và
những khúc quanh
nghiệt ngã của lịch sử
hiện đại Việt Nam**

42 *Trần Quỳnh Vi*
Đọc sách cùng Đoàn Trang
**Hồi ký của một nhà báo
chống lại một kẻ độc tài**

45 *Thiên Tân*
Đọc sách cùng Đoàn Trang
**Phá vỡ nhị nguyên giới có
gây nên rắc rối cho xã hội?**



DIỄN NGÔN VỀ NHÂN QUYỀN TRONG EVFTA CÓ ĐANG MẤT DẦN GIÁ TRỊ Ở VIỆT NAM?

*Các định chế bảo vệ nhân quyền
từng bước bị vô hiệu hóa.*

Vincente Nguyen

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 10/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - châu Âu (EVFTA) có lẽ là một trong những nhóm hiệp định thương mại tự do được quan tâm đầu tư truyền thông nhất bởi cả chính quyền Việt Nam, các doanh nghiệp, lẫn các nhóm hoạt động xã hội ở quốc gia hình chữ S, gần như chỉ sau Hiệp định Thương mại Tự do với Hoa Kỳ có hiệu lực vào năm 2001. Tuy nhiên, mỗi bên đều có giấc mộng riêng của mình.

Chính quyền Việt Nam cũng như các doanh nghiệp trong nước kỳ vọng vào thị trường lớn của châu Âu với sức mua, độ phủ sóng cũng như năng lực đầu tư hàng đầu thế giới.

Từ việc hiện thực hóa kỳ vọng tăng trưởng kinh tế, chính quyền Việt Nam có thể bảo đảm vị thế và tính chính danh của mình thông qua mô hình nhà nước tăng trưởng hay còn được gọi là nhà nước kiến tạo phát triển (developmental state).

Các doanh nghiệp đương nhiên sẽ nghĩ về khả năng kiếm tiền.

Tuy nhiên, đối với các nhóm hoạt động xã hội, họ đã từng tin rằng EVFTA có thể mang lại nhiều sự thay đổi hơn. Đó là một nhà nước minh bạch, một hệ thống giám sát cam kết quyền con người được thừa nhận, và cả một nền tảng tự do mới về quyền công đoàn.

Về thành quả thực tế, trong năm 2021, giá trị thương mại song phương Việt Nam - châu Âu tăng lên 13%. Điều này có vẻ phù hợp với mong muốn của các nhà kỹ trị ở Brussels khi cho rằng EVFTA là hiệp định thương mại song phương có tham vọng lớn nhất giữa Liên minh châu Âu (EU) và một quốc gia đang phát triển. [1]

Trong khi đó, chính quyền Việt Nam có vẻ cũng đạt được phần nào kỳ vọng của mình về hình ảnh và tính chính danh, khi hoạt động thương mại với châu Âu góp phần vào việc ghi nhận rằng Việt Nam “hồi phục kinh tế vượt trội” đến 8% vào năm 2022. [2]

Tuy nhiên, với việc nền kinh tế Việt Nam bắt đầu trở nên ảm đạm từ đầu năm 2023, chúng ta cũng cần xem xét lại những lời hứa, những cam kết về nhân quyền hay quyền dân sự giữa hai thực thể chính trị Việt Nam - EU, cũng như những kỳ vọng to lớn từ phía các nhóm cải cách, xã hội dân sự.

Phải chăng đã đến lúc thừa nhận rằng các diễn ngôn về nhân quyền trong EVFTA không hề có giá trị thực tiễn ở Việt Nam?

NHỮNG “CAM KẾT” HÙNG HỒN

Những cam kết của EU trong các hoạt động thương mại quốc tế của họ, theo ghi nhận của chương sách *“The Vietnam-European Union Free Trade Agreement: Victim of Changing Times?”* trong quyển *“A Geo-Economic Turn in Trade Policy?”*, là xuất phát từ Hiệp định Lisbon 2009. [3] Theo đó, Điều 21 của hiệp định này yêu cầu các chính sách đối ngoại của EU phải phù hợp và quảng bá cho “các giá trị châu Âu” gồm “dân chủ, nhân quyền, pháp quyền, bền vững, và bình đẳng”.

Đối với trường hợp hiệp định thương mại Việt Nam - EU, nguyên tắc tôn trọng quyền con người là một trong những đề mục cơ

bản được ghi nhận tại Thỏa thuận Hợp tác Toàn diện (Partnership and Cooperation Agreement - PCA). Thỏa thuận này được ký kết giữa Việt Nam và EU từ tận năm 2012, và có khả năng ảnh hưởng đến EVFTA nếu Việt Nam bị xác định có những xâm phạm nghĩa vụ cơ bản liên quan đến PCA.

Ngoài ra, trong 17 chương của EVFTA, Chương 13 với tên gọi “Trade and Sustainable Development” nhấn mạnh hai vấn đề chính về quyền của người lao động (labour rights) và bảo vệ môi trường bền vững (protection of environmental sustainability).

Để tăng cường năng lực xã hội dân sự và hoàn thiện thể chế cho các quốc gia đang phát triển, các hiệp định thương mại tự do của EU thường dựa vào việc xây dựng các “civil society mechanism” (CSM) - mà chúng ta có thể tạm dịch là “cơ chế xã hội dân sự”. [4]

Thêm vào đó, phương thức “domestic advisory group” (DAG), tạm dịch là những “nhóm cố vấn trong nước”, sẽ góp phần tạo ra các diễn đàn xã hội dân sự xuyên quốc gia (kết nối giữa EU và các quốc gia đối tác như Việt Nam). Điều này thúc đẩy quá trình minh bạch hóa và tăng cường khả năng giám sát thực chất các chính sách được đưa ra bởi chính quyền địa phương, thông qua sự tham gia của các tổ chức dân sự nội địa.

Một số thông tin cho thấy Việt Nam đã sửa đổi Bộ luật Lao động và gia nhập hoặc chuẩn bị gia nhập vào các nhóm công ước quan trọng khác bên trong hệ thống công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labour Organization - ILO). [5] Điều này cũng được ghi nhận là bước tiến tích cực theo đúng mô hình phát triển của các FTA thế hệ mới, nơi mà các quốc gia đang phát triển vừa nhận được thành quả kinh tế, vừa cải thiện tình trạng nhân quyền và phát triển bền vững.

NHỮNG SỰ THẬT ĐANG BỊ LỜ Đİ

Song cho đến hiện nay, khả năng thành công trên phương diện nhân quyền của EVFTA có thể nói là rất thấp.

Như đã nêu ở trên, mô hình giám sát, đánh giá hiệu quả của các cam kết về môi trường hay lao động của Việt Nam theo hệ thống của EVFTA chủ yếu được xem xét một cách độc lập thông qua CSM và DAG.

Trên lý thuyết, DAG có thể thông qua CSM để tham gia các hoạt động bao gồm việc đưa ra quan điểm tham vấn, tổ chức đối thoại và cập nhật tình hình thực hiện hiệp định, v.v. đồng thời gửi thông tin này đến các định chế chính trị của EU và Việt Nam, hay đơn giản là giữa các NGO (tổ chức phi chính phủ) của hai thực thể chính trị với nhau.

Ở một góc độ nhất định, cách làm này cho phép các sai phạm, khiếu nại, tranh chấp cũng như sự tiến bộ thực tế của hệ thống an sinh, công đoàn lao động và các vấn đề môi trường tại Việt Nam trở nên minh bạch hơn, dễ theo dõi hơn, và dễ tài liệu hóa hơn.

Ngược lại, có nhiều chuyên gia vẫn cho rằng DAG và CSM không thật sự nắm giữ quyền lực quá lớn, việc minh bạch hóa thông tin về những vấn đề nói trên có vẻ vẫn không được chính quyền Hà Nội hoan nghênh.

Mặc dù những cam kết của chính quyền cộng sản Việt Nam được ghi nhận tương đối rõ ràng, không thể thay đổi, nhưng nhờ kiến thức ngoại giao tốt sau nhiều năm làm việc với các định chế phương Tây - vốn có thể dễ dàng bị thao túng bởi lợi ích tương đối và thỏa hiệp chính trị, miễn là mọi thứ ở mức có thể chấp nhận được - Hà Nội đã triệt tiêu đường sống của các DAG có chút tiếng nói độc lập.

Bà Nguyễn Thị Khanh là một trong những nhà nghiên cứu, nhà hoạt động và nhà quản lý NGO vận động về môi trường có tiếng tại Việt Nam và trên thế giới. Bà là thành viên của Eisenhower Fellowships Global 2019 và được trao Goldman Environmental Prize vào năm 2018. [6] Nếu EU có kỳ vọng xây dựng CSM để theo dõi các cam kết môi trường ở Việt Nam theo EVFTA thì Nguyễn Thị Khanh và các nhóm hoạt động của bà chắc chắn có một chân trong hệ thống DAG.

Vấn đề là, bà hiện đã phải... ngồi tù với tội danh trốn thuế liên quan đến chính giải thưởng Goldman Environmental.

Kế tiếp, những nhân vật có danh tiếng trong giới NGO, có khả năng tham gia và dẫn đầu toàn bộ mô hình hoạt động của DAG và CSM như Mai Phan Lợi hay Đặng Đình Bách cũng lần lượt vào tù vì các cáo buộc trốn thuế.

Tuy đây không phải là toàn bộ các nhóm trí thức, nhà hoạt động, nhà báo lãnh đạo hệ thống NGO độc lập ở Việt Nam, nhưng các sự kiện xảy ra dồn dập nói trên đương nhiên sẽ phát đi tín hiệu “ớn lạnh” cho các NGO còn lại.

NGO chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền có lẽ không có gì phải lo ngại.

Trong khi đó, các NGO được thành lập thông qua cơ chế “tổ chức khoa học công nghệ” dần thu mình lại, giới hạn hoạt động, và ám ảnh với vấn đề nhận nguồn tài trợ nước ngoài. Một số thậm chí đã đóng cửa.

“Chuỗi cung ứng thông tin” mà EU gọi là DAG và CSM đứt gãy và phá sản hoàn toàn, dù trên danh nghĩa thì nó vẫn còn đó với sự thống trị của hệ thống NGO nhà nước.

Khi không còn ai dám thu thập, đánh giá, và truyền tải thông tin, cơ chế xã hội dân sự mà EVFTA xây dựng trở thành một vật dụng trang trí đúng nghĩa, chỉ đại diện cho vẻ ngoài bề thế của diễn ngôn “chính trị đạo đức”. Đáng tiếc, phía EU gần như chưa có bất kỳ động thái gì với thực tế này.

Những cam kết về bảo vệ môi trường, về phát triển bền vững, về sự hình thành của các công đoàn độc lập v.v. bên trong EVFTA chắc chắn sẽ bị chính quyền Việt Nam vô hiệu hóa chỉ trong vài năm tới.

Ví dụ, trong chuyến thăm của Tiểu ban Nhân quyền thuộc Nghị viện châu Âu đến Việt Nam hồi tháng Tư năm 2023, không có thông tin hay phản đối cụ thể nào được ghi nhận. [7] Dù yêu cầu trao trả tự do cho các tù nhân lương tâm và lãnh đạo xã hội dân sự vẫn được đưa ra nhưng khó có thể nói những yêu cầu này có bất kỳ khác biệt hay sức nặng nào hơn, vì bản thân những việc này đã tồn tại trong suốt một thập niên trở lại đây.

Quan trọng hơn cả, tính hiệu lực của EVFTA không hề được nhắc đến như là cơ sở để bắt buộc Việt Nam tuân thủ và tạo điều kiện cho các cam kết của chính mình được thực thi một cách đúng đắn nhất.

Bình luận trên DW, chuyên gia về tình hình Đông Nam Á David Hutt cho thấy sẽ không có bất kỳ tiến triển nào từ góc nhìn của các định chế EU về các vi phạm nhân quyền và các phương pháp “thao túng” kết quả thực thi của Việt Nam liên quan đến EVFTA trong tương lai. [8] Dường như, các chính trị gia châu Âu có chủ đích “khoan dung” không giới hạn những toan tính và thao túng của Việt Nam về vấn đề nhân quyền, và đây sẽ là một điều khó có thể thay đổi.

Dù nền kinh tế phát triển tạo ra các làn sóng công lợi cho toàn thể người dân nhưng sự phát triển kinh tế này cũng đồng thời tạo ra tính chính danh cho hoạt động đàn áp của chính quyền đối với tất cả các hoạt động, phong trào dân sự độc lập.

Điều này cũng khiến cho những đồn đoán, kỳ vọng, và công sức của rất nhiều nhóm dân sự vào động lực thúc đẩy cải cách của hiệp định này trong gần một thập niên qua tan thành mây khói. EVFTA từ đó trở thành một “lời nói dối chân thật” như mọi lời nói dối khác trong các hiệp định về thương mại, đầu tư quốc tế ký kết với Việt Nam. □



KHI NÀO GIỚI QUAN CHỨC TRỞ THÀNH “MỤC TIÊU HỢP LÝ” TRONG XUNG ĐỘT VŨ TRANG QUỐC TẾ?

Giới hạn phạm vi giết chóc là xây dựng hình ảnh một cuộc chiến chính nghĩa.

Nguyễn Quốc Tấn Trung

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 18/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Cho đến thời điểm hiện tại, khó ai có thể tiếp tục tranh cãi về việc Nga có đang thực hiện một cuộc xung đột vũ trang (armed conflict) đầy đủ và toàn diện tại Ukraine hay không.

Lý luận về một “chiến dịch quân sự đặc biệt” (special military operation) của Kremlin chứa đựng hai hàm ý, một là về phạm vi và thời gian từng được kỳ vọng của xung đột, hai là về tham vọng đế quốc của Putin. [1] Tuy nhiên, sau hơn một năm chiến sự diễn ra gần như trên mọi mặt trận, cùng với việc Nga đã vận dụng toàn bộ khí tài từ tối tân đến xưa cũ nhưng vẫn không tránh khỏi con số thương vong ngày một tăng cao, dường như ngay cả giới lãnh đạo của Nga cũng phải dần thừa nhận rằng họ đang trong một cuộc xung đột vũ trang thật sự. [2]

Như vậy, dù muốn hay không, các chiến dịch quân sự do nước này phát động cũng buộc phải nằm trong phạm vi điều chỉnh của nhóm nguyên tắc chiến tranh bên trong hệ thống pháp luật nhân đạo quốc tế (international humanitarian law). Chúng ta cũng có thể gọi nó là pháp luật về xung đột vũ trang quốc tế (law on international armed conflict - LIAC).

Thêm vào đó, thông tin về việc Nga tìm cách ám sát Tổng thống Ukraine Zelensky, hay ngược lại là Nga cáo buộc Ukraine tìm cách ám sát Tổng thống Putin bất hợp pháp dẫn chúng ta đến một câu hỏi pháp lý mà người đọc có thể chưa từng nghĩ tới:

Pháp luật quốc tế “cho phép” sự giết chóc trong chiến tranh đến mức độ nào? Và các lãnh đạo dân sự có thể được xem là mục tiêu quân sự hay không?

PHÁP LUẬT VỀ XUNG ĐỘT VŨ TRANG QUỐC TẾ QUY ĐỊNH THẾ NÀO?

Trước khi thảo luận chi tiết về vấn đề xem xét và lựa chọn “mục tiêu quân sự hợp lý” trong chiến tranh (legitimate targets), chúng ta cần hiểu bản chất của hệ thống pháp luật về xung đột vũ trang này.

Cho đến thời điểm hiện tại, dù khái niệm chiến tranh nói chung là một khái niệm không được chào đón nhưng hoạt động chiến tranh (tức hành vi tấn công, giết hại và tiêu diệt các mục tiêu quân sự giữa các quốc gia với nhau) vẫn được xem là hợp pháp bởi pháp luật quốc tế.

Vì sao lại có sự nghịch lý như thế? Là bởi vì *jus in bello* (luật quy định về các hoạt động chiến tranh) được phân tách rạch ròi với *jus ad bellum* (luật về tính chính danh của chiến tranh). [3]

Các nhà lập pháp quốc tế hy vọng rằng dù một chiến tranh có diễn ra một cách hợp pháp (như chiến tranh vệ quốc) hay bất hợp pháp (như chiến tranh xâm lược), hay có bản chất như thế nào đi chăng nữa (nói ngắn gọn là trong tầm điều chỉnh của *jus ad bellum*) thì các hoạt động quân sự diễn ra trong quá trình này đều nằm trong một giới hạn nhất định (tức hợp pháp theo quy định của *jus in bello*).

Luật khoa đã có bài viết *Tại sao chiến tranh không nên là “còn cái lại quần cũng đánh”?* của tác giả Bùi Công Trực. Người viết cho rằng đây là cách tiếp cận hợp lý khi nói về sự cần thiết của giới hạn phạm vi giết chóc trong chiến tranh:

‘[...] pháp luật nhân đạo quốc tế, hay luật chiến tranh, ra đời với mục tiêu quan trọng nhất là biến chiến tranh thành một “sân chơi chết người” nhưng “có kiểm soát”.

Đúng là trong đó, những người tham chiến hoàn toàn có thể bị tước đi sinh mạng, và

nói một cách vô cảm là bị tước đi sinh mạng một cách hợp pháp. Song việc thừa nhận luật chơi đầu tiên này cũng giúp “sân chơi” đặt ra các giới hạn khác, như việc không thể tước đi sinh mạng của thường dân, hay không thể tước đi sinh mạng của người tham chiến bằng những loại vũ khí cấm.” [4]

Như vậy, có thể thấy pháp luật quốc tế thật ra cũng “thực dụng” chứ không như người ta hay tưởng tượng, tức là thừa nhận một số hành vi giết chóc trong chiến tranh để giới hạn thiệt hại của chiến tranh.

Thật vậy, chiến tranh đến cuối cùng chỉ là giải quyết xung đột chính trị. Nếu xung đột có thể giải quyết trong phạm vi thiệt hại nhỏ nhất và nhanh chóng nhất, không có lý do gì loài người lại để sự chết chóc lan rộng mà không cần phân biệt đối tượng là ai.

KHÔNG THỂ TẤN CÔNG THƯỜNG DÂN, NHƯNG CÒN QUAN CHỨC THÌ SAO?

Khi nói về luật xung đột vũ trang và khái niệm “mục tiêu hợp lý”, chúng ta thường nhớ đến nhất hai khái niệm chủ đạo là thường dân (civilian) và người tham chiến (combatant).

Thường dân là nhóm được bảo vệ. Người tham chiến là nhóm có thể tấn công và tiêu diệt. Trong phạm vi bàn luận về những tranh cãi xoay quanh vấn đề “ám sát Putin bất hợp pháp” ở phần đầu, pháp luật chiến tranh nói gì về giới quan chức?

Cụ thể, trường hợp các lãnh đạo đảng phái chính trị, các vị trí dân cử, các nhân vật giữ vai trò nguyên thủ nhưng lại được xem là lãnh đạo tối cao của quân đội một quốc gia (như tổng thống, chủ tịch nước...) thì sẽ vận dụng khung pháp lý như thế nào?

Câu trả lời là mỗi đối tượng kể trên đều có khung pháp lý riêng đi kèm các thảo luận, tranh cãi khác nhau.

Đối với các chức danh đứng đầu nhà nước, lý thuyết công pháp quốc tế có hai cách tiếp cận chính là: thẩm quyền trong chuỗi mệnh lệnh quân sự (operational chain of military command) và vai trò tham chiến thực tế (combatant function). [5]

Từ đó, có một số nhà nghiên cứu nhấn mạnh vào khả năng can thiệp quân sự thực tế của các quyết định trong hoạt động chiến tranh.

Do vậy, họ cho rằng bộ trưởng bộ quốc phòng - người trực tiếp nắm giữ các thông tin quân sự quan trọng nhất và được cho là người có ảnh hưởng lớn nhất đến những quyết định cuối cùng trên chiến trường - sẽ là nhân vật cấp cao có thể trở thành mục tiêu hợp lý trong chiến tranh. Việc sử dụng các loại khí tài, kế hoạch quân sự để tiêu diệt nhân vật này được cho là hợp pháp.

Tuy nhiên, đại đa số các học giả cho đến giờ vẫn cho rằng thẩm quyền trong chuỗi mệnh lệnh quân sự của bộ trưởng bộ quốc phòng không thể vượt qua nguyên thủ, người đứng đầu nhà nước, vốn sẽ là chốt chặn cuối cùng của bộ trưởng bộ quốc phòng trong các quyết định vĩ mô và có tính nguy hiểm cao độ (như sử dụng vũ khí hạt nhân). Vì thế, không thể bỏ qua nguyên thủ như là một mục tiêu quân sự hợp lý.

Ngoài ra, pháp luật quốc tế cũng thường dựa vào cách mà chính pháp luật một quốc gia xây dựng và quy định khung thẩm quyền của nguyên thủ quốc gia để xác định việc họ có là mục tiêu quân sự hợp lý được hay không.

Tại Hoa Kỳ, hiến pháp quốc gia này xác nhận tổng thống là tổng tư lệnh của lực lượng vũ trang. Như vậy, tổng thống sẽ được xem là mục tiêu quân sự hợp lý. [6]

Tương tự, hiến pháp nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ghi rõ chức danh chủ tịch nước sẽ có thẩm quyền tuyên bố tình trạng chiến tranh và ra lệnh tổng động viên. [7] Trên thực tế, bản thân người nắm giữ chức danh này cũng là người đứng đầu của Quân ủy Trung ương của đảng lãnh nhà nước Trung Quốc (The Central Military Commission) - các cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động quân sự của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa. [8] Chủ tịch của nhà nước Trung Quốc do đó cũng được xem là một mục tiêu quân sự hợp lý.

Với những dẫn chứng trên, có thể nói cả Tổng thống Nga lẫn Tổng thống Ukraine đều là các mục tiêu quân sự có thể bị tấn công và tiêu diệt.

Trong hiến pháp Ukraine, dù “Verkhovna Rada” (Quốc hội Ukraine) có thẩm quyền tối cao trong các quyết định quân sự trọng yếu nhất (ban hành tình trạng chiến tranh, điều động quân đội trong và ngoài nước, v.v.) thì tổng thống vẫn được xác lập là tổng tư lệnh của lực lượng vũ trang. [9]

Hiến pháp Nga quy định điều gần như hoàn toàn tương tự. [10]

Tới đây, chúng ta đã hiểu cơ bản cách tiếp cận của pháp luật quốc tế về vai trò và tư cách của nguyên thủ quốc gia trong một cuộc xung đột vũ trang như chiến tranh Nga - Ukraine hiện nay. Song nếu muốn mở rộng thêm nữa, các chức danh dân sự khác như bộ trưởng bộ nội vụ, bộ trưởng bộ ngoại giao, bộ trưởng bộ tư pháp hay lực lượng an ninh, cơ quan cảnh sát khác thì sao?

Đối với những chức danh này, câu chuyện trọng tâm nằm ở vấn đề cơ bản mà chúng ta đã nói đến ở trên: Họ có tham chiến hay không?

Xét về lý thuyết, ngay cả các nhân viên của cơ quan tình báo nói chung (không kể lực lượng tham chiến) cũng đều được xem là

nằm trong nhóm “thường dân” và được bảo vệ khỏi khả năng bị tấn công tiêu diệt theo nguyên tắc của pháp luật quốc tế về chiến tranh.

Nhóm an ninh - công an đôi khi được xem là một phần của lực lượng vũ lực quốc gia.

Tại Columbia, cả quân đội và cảnh sát đều được ghi nhận là lực lượng an ninh nằm dưới sự kiểm soát của bộ quốc phòng. Hiện thực nói trên được lực lượng vũ trang đối lập (Revolutionary Armed Forces of Colombia - FARC) sử dụng để lý giải cho việc họ tấn công cả cảnh sát và các đồn cảnh sát như một mục tiêu quân sự bình thường.

Điều này tương tự với cách các lực lượng đối lập trên thế giới như Mặt trận Dân chủ Quốc gia (National Democratic Front) tại Philippines và Quân đội Giải phóng Kosovo (Kosovo Liberation Army) cho rằng cảnh sát luôn có thể được sử dụng như một công cụ vũ lực thay thế cho quân đội, và vì vậy là sẽ trở thành đối tượng bị tấn công.

Cách lý luận này cũng có thể bị lạm dụng ở Việt Nam khi mà các chức danh của lực lượng công an, cơ cấu tổ chức, thẩm quyền và phương thức điều hành, v.v. thật ra không khác với quân đội cho mấy.

Tuy nhiên, theo pháp luật quốc tế, nhiệm vụ chính của lực lượng an ninh vẫn là giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ đời sống dân sự khỏi tội phạm. Trừ khi có bằng chứng rõ ràng chứng minh được lực lượng này đang được một chính quyền sử dụng cho các chiến dịch quân sự cụ thể, nếu không việc tấn công các nhóm này đều sẽ bị xem là vi phạm pháp luật quốc tế về xung đột vũ trang.

Trong môi trường chính trị quốc gia bình thường, khó có thể bàn cãi về việc tất cả các chức danh lãnh đạo đảng phái đều cần phải được xem là “thường dân” và không

thể bị xem là mục tiêu quân sự, trừ khi họ đồng thời kiêm nhiệm một chức danh quân sự nào đó trong chính quyền.

Tuy nhiên, đối với các nhà nước độc đảng, nơi mà thẩm quyền chính trị của đảng tác động trực tiếp đến lực lượng vũ trang, thì nhiều học giả đưa ra các đề xuất khác nhau.

Nổi tiếng nhất trong số đó là quan điểm của Christopher Greenwood về chiến dịch quân sự tại Iraq vào năm 1990-1991 và chiến dịch mở rộng vào năm 2003. [11] Theo ông này, vì tính chất quân sự hóa cao của hệ thống chính trị đảng Ba'ath (đảng cầm quyền tại Iraq) và ngược lại là tính chất chính trị hóa cao của quân đội Iraq, nên các quyết định quân sự của nhà nước Iraq không thể nói là không có sự tham gia của những lãnh đạo đảng.

Đây sẽ là một cân nhắc cho thực tế tại Việt Nam, vì Quân ủy Trung ương của Việt Nam là cơ quan lãnh đạo về mặt đảng đối với quân đội nhưng lại không phải một thành phần của bộ máy nhà nước. Dù chức danh chủ tịch nước của Việt Nam được hiến pháp xác định là thống lĩnh lực lượng vũ trang nhưng bí thư Quân ủy Trung ương mới là người có thẩm quyền tối cao, vì đảng lãnh đạo toàn diện quân đội. [12] Thẩm quyền trong chuỗi mệnh lệnh quân sự tại Việt Nam chắc chắn không dừng lại ở chức danh chủ tịch nước.

Xét tổng quan, pháp luật về xung đột vũ trang quốc tế không phải là một hệ thống pháp luật mà mọi người cần biết tới trong những thời điểm bình thường.

Tuy nhiên, ở những thời khắc sống còn như cuộc chiến chống xâm lược mà người Ukraine đang đối diện, hiểu biết cơ bản về pháp luật chiến tranh, pháp luật nhân đạo quốc tế là cách để quốc dân xây dựng hình ảnh chính nghĩa đúng đắn, cung cấp đầy đủ thông tin cho quốc tế, và bảo đảm rằng tính chính danh của mình không bị ảnh hưởng bởi các chiến dịch tấn công bằng thông tin giả.

Bài viết này hy vọng cung cấp được một vài thông tin hơi xa lạ nhưng cần thiết trong việc xây dựng một khung kiến thức nền về pháp luật liên quan đến xung đột vũ trang. □

An illustration of two hands, one from the top right and one from the bottom left, holding a yellow rectangular sign. The sign has the text 'ĐÓNG GÓP CHO' in a smaller font at the top and 'LUẬT KHOA' in a larger, bold font below it. The background is a light green with a faint, repeating geometric pattern.

ĐÓNG GÓP CHO

LUẬT KHOA

Chúng tôi làm báo độc lập.
Không sợ ai.
Không nịnh ai.

Hãy đóng góp cho Luật Khoa để
xây dựng báo chí độc lập Việt Nam:

donorbox.org/luatkhoa

Luật Khoa là một dự án của tổ chức
Sáng kiến Pháp lý Việt Nam (Legal
Initiatives for Vietnam), một tổ chức
phi lợi nhuận đăng ký ở California,
Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Mọi khoản đóng góp của độc giả ở
Hoa Kỳ đều được khấu trừ thuế (tax
deduction). Số EIN của chúng tôi:
81-5257301.

Đã có Báo cáo Thường niên 2021
tại đây: [www.liv.ngo/bao-cao-
thuong-nien-annual-report-2021](https://www.liv.ngo/bao-cao-thuong-nien-annual-report-2021)

Liên hệ: editor@mail.luatkhoa.org



ẢO ẢNH TRUNG LƯU Ở VIỆT NAM



Khi thưởng lưu tự nhận là trung lưu.

Nguyễn Quốc Tấn Trung

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 22/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Chuyện các nhóm thượng lưu, thượng trung lưu (upper class, upper middle class) nhận vợ về danh xưng “trung lưu” cho đến nay đã trở thành một trào lưu quốc tế.

Và ngay cả ở Việt Nam cũng vậy.

Chúng ta có thể tìm hiểu thêm về vấn đề này thông qua những nghiên cứu gây được tiếng vang lớn như “*Media Magic: Making Class Invisible*” (Truyền thông nhiệm màu: Biến giai cấp thành vô hình) của Mantsios Gregory; hay nghiên cứu của Erika Paulson và Thomas O’Guinn với tựa đề “*Marketing Social Class and Ideology in Post-World-War-Two*” (Tiếp thị giai cấp và ý thức hệ hậu Đệ nhị thế chiến). [1] [2]

Chuyện dài nói ngắn, các nghiên cứu này cho thấy một bộ phận người dân Mỹ đang lầm tưởng rằng mình thuộc giai cấp “trung lưu” bởi vì truyền thông và các sản phẩm tiếp thị thường làm mờ đi ranh giới giữa tầng lớp lao động sống thág nào biết thág nấy với giới thượng lưu, điều này góp phần tạo ra một “giai tầng trung lưu phổ quát” (universal middle class).

Hiển nhiên, đời sống và khả năng chi trả của hai nhóm này khác nhau như ngày và đêm, nhưng ảo ảnh của một giai tầng trung lưu phổ quát biến những sản phẩm mắc mớ, những phong cách sống cao cấp trở thành “chuyện thường ở huyện”.

Đời sống quốc dân nhờ tự huỷ hoại mà được nâng cao, đa phần dựa trên hình ảnh của tầng lớp dư giả, giàu có.

Việt Nam có vẻ cũng đang trải qua một giai đoạn tương tự.

Phổ quát hóa giai cấp trung lưu: Cách truyền thông Việt Nam xóa nhòa lẫn ranh giai cấp

So chiếu với các lý thuyết nghiên cứu xã hội trên thế giới, người viết gọi thứ mà truyền thông Việt Nam lẫn các nhóm thống trị không gian mạng xã hội Việt Nam đang làm là quá trình “phổ quát hóa giai cấp trung lưu” (the universalisation of middle-class).

Giới chuyên gia không thống nhất với nhau về cách xác định giai cấp trung lưu. Trong hàng loạt cách tiếp cận khác nhau, có lẽ cách phổ biến nhất là xác định dựa trên mức thu nhập của hộ gia đình. Ngay cả cách này cũng có đến vài phương pháp xác định khác nhau. [3]

Ở Việt Nam, chúng ta thiếu các thống kê thực địa chính thức nên khó có một tiêu chuẩn và con số chính xác. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Hakuhood Institute of Life and Living ASEAN (HILL ASEAN) vào năm 2016, họ đánh giá rằng chuẩn trung lưu của Việt Nam sẽ bao gồm một phổ thu nhập rất rộng từ 5.000 Mỹ kim (khoảng hơn 100 triệu đồng) đến hơn 35.000 Mỹ kim (khoảng 800 triệu đồng) (*) mỗi năm. [4] Thông tin của nghiên cứu chỉ ra có khoảng 50% dân số Việt Nam đủ điều kiện để được xếp vào nhóm này.

Trong một thống kê và nghiên cứu khác của Cimigo (2023), họ cho rằng có khoảng hơn 15 triệu hộ có thu nhập cao hơn 15 triệu đồng một tháng (tức chỉ khoảng 644 Mỹ kim một tháng, tương ứng với 7.728 Mỹ kim mỗi năm). Nhóm này, theo cấu trúc thu nhập của Việt Nam, cũng được Cimigo xem là nhóm trung lưu. [5]

Nếu xét cả lạm phát và thu nhập tăng theo năm, có thể thấy cả HILL ASEAN và Cimigo đều cho chúng ta một cái nhìn tương đối gần nhau. Theo cấu trúc thu nhập của người Việt Nam, hộ gia đình có tổng thu

nhập trung vị ở mức 7.000 - 8.000 Mỹ kim một năm (tức khoảng 15 triệu đồng một tháng) thì đã được xem là trung lưu.

Sự trung lưu này là tương đối eo hẹp, nếu xét tổng thể đời sống kinh tế của cả một hộ gia đình dựa trên nguồn thu nhập này.

Đáng chú ý hơn, theo ghi nhận của Cimigo, hộ gia đình có thu nhập từ 1.288 Mỹ kim trở lên mỗi tháng (tức khoảng 30 triệu đồng mỗi gia đình), chỉ đại diện cho 6% các hộ gia đình tại Việt Nam.

Trong khi đó, thành phần cốt cán lãnh đạo của những tòa báo, giới làm truyền thông, quảng cáo, dân vận - những người nắm đằng chuôi của quá trình tái hiện hiện thực xã hội - thường là những nhóm thị dân, giới con nhà khá giả “một căn ở, một căn cho thuê”, thậm chí có quyền thế tài chính, có vị trí xã hội, có gốc gác chính trị. Họ thường thuộc nhóm chớp bu của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam, tức nhóm 6% mà chúng ta vừa nhắc đến ở trên.

Vấn đề ở chỗ, họ thường tự định vị rằng mình chỉ thuộc nhóm “thị dân”, “trung lưu”, và “sống được”.

Từ đó, họ phản chiếu đời sống của mình vào không gian chung của quốc dân, biến nó thành tiêu chuẩn “cơ bản”, “trung bình”, “ai cũng có được”.

Nguy hiểm hơn, nhóm này không nhận ra những đặc quyền, đặc lợi mà vị thế giai cấp của họ đang trao cho họ.

Khi người giàu bàn chính sách

Những suy nghĩ này dẫn người viết trở về một tranh cãi trong lúc trả dư thừa với một người anh là chuyên gia trong lĩnh vực chính sách, pháp luật.

Bày tỏ quan điểm ủng hộ việc sử dụng xe bus, anh cho rằng để thúc đẩy chính sách này thành công cần phải có sự rắn đê, thúc ép từ nhà nước, phải có động thái cấm xe máy. Anh cũng đưa ra nhận định người Việt Nam lười, ham thuận tiện trước mắt nên không muốn dùng xe bus.

Anh cũng dẫn chứng thêm về sự “tiện lợi” mà xe bus dành cho anh - một người làm công ăn lương hay thị dân trung lưu. Mỗi ngày, anh chỉ cần đón xe bus từ lúc 7 giờ sáng là đã có thể đến nơi làm việc một cách an toàn và nhẹ nhàng, rồi đón xe bus lúc 5 giờ rưỡi chiều để về nhà tận hưởng không gian bên gia đình một cách thoải mái.

Thứ anh quên nhắc, là anh có một công việc ổn định, lương tốt, danh tiếng lớn với giờ giấc bảo đảm từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều, một thứ đặc quyền trong nền kinh tế “xe máy” của nhiều người Việt Nam.

Thứ anh quên nhắc là gia đình anh có một căn hộ hạng sang ở một khu vực đầy đủ tiện nghi, cách trạm xe bus vài trăm mét đi bộ.

Thứ anh quên nhắc là gia đình anh có người giữ trẻ, có giúp việc sẵn sóc người lớn tuổi ở gia đình khi anh vắng nhà.

Thứ anh quên nhắc là anh chưa bao giờ phải nghĩ đến việc kiếm thêm với công việc thứ hai, thứ ba, hay chạy đôn chạy đáo nhiều nơi để có thêm tiền chi tiêu trong những trường hợp khẩn cấp của gia đình.

Thứ anh quên nhắc là đến cuối tuần hay những ngày lễ, gia đình anh thường lên xe ô tô du lịch mà chẳng cần lo tới vai, mưa

không ướt đầu, v.v.

Cả đời anh không cần chiếc xe hai bánh rẻ tiền thì nói thế là phải.

Nhưng anh cũng quên rằng, đối với các gia đình nhập cư, sinh viên tình lẻ, người có thu nhập thấp, người lao động - những người chiếm đại đa số dân cư Việt Nam - thì họ không có bất kỳ đặc quyền nào kể trên cả.

Xe bus và mạng lưới xe bus nghèo nàn, chất lượng giờ giấc kém trở thành một con quái vật quan liêu với những trò bày vẽ “tiểu tư sản” về môi trường, cảnh quan đô thị.

Họ không ghét xe bus vì ý thức hệ/ tư tưởng chính trị, mà họ ghét nó vì kiểu tư duy áp đặt “cấm xe máy” và “xe bus phải là tương lai” không hề tính đến hiện thực đời sống của họ, có nguy cơ khiến cho chén cơm của họ vơi đi từng ngày.

Ấy thế mà, với tất cả những đặc quyền mình có, anh vẫn tự nhận mình là trung lưu.

Với sự thống trị của các nhóm giàu có trên các phương tiện truyền thông chính thống, mạng xã hội, các sản phẩm tiếp thị, cùng với xu hướng biến mọi thứ trở thành “thứ thiết yếu”, “thứ trung lưu” của các mô-tuýp quảng cáo, không có gì bất ngờ khi trong tương lai, đời sống thực tế của người lao động lại càng trở nên vô danh, vô diện, như cách mà Mantsios mô tả (“The poor are faceless”).

Người nghèo và số đông người lao động bình thường cũng như hiện thực đời sống của họ trở thành “thiếu số”, trở thành ví dụ của sự “không biết cố gắng”, và thậm chí không tồn tại.

Ảo ảnh về thịnh vượng tại Việt Nam có lẽ từ đó mà ra. □



“TIÊU CHUẨN KÉP” KHI ỨNG XỬ VỚI NGHỀ BÓI TOÁN?

*Chính quyền vừa công nhận vừa xử phạt
người hành nghề vì mê tín dị đoan.*

Văn Tâm

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 5/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Năm 1973, một người đàn bà vừa mới chuyển đến Sài Gòn đã khiến thị dân hết sức thán phục nhờ năng lực tiên đoán thần kỳ của cô.

Người phụ nữ này tên là Trần Thị Kim, mới 23 tuổi, chuyên xem vận mệnh bằng những lá bài và những bông hoa. Cô tin rằng năng lực ngoại cảm của mình đến từ chiếc đầu lâu của một thầy bói người Lào mà cô đang thờ ở nhà. Nhiều người đã được tận mắt xem chiếc đầu lâu này vào những dịp Tết Nguyên Đán. [1]

Một linh mục từng thay đổi cách suy nghĩ của mình về cô Kim khi cô nói đúng số tiền mà ông ấy đang mang trong túi. Cô Kim cũng nói đúng về việc một người phụ nữ Tây đã suýt chết khi sinh đứa con thứ hai. Cô cũng dự đoán chính xác ngày rời khỏi Việt Nam của một người Tây khác.

Gần đây, một người phụ nữ ở Hải Dương vừa bỏ cau vừa nói về gia thế của người đối diện cũng trở nên nổi tiếng khắp mạng xã hội. Mấy hôm sau thì cô bị chính quyền xử phạt hành chính. [2]

Không chỉ xuất hiện ở Việt Nam qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, những điều bí ẩn vừa kể thuộc về một nghề lâu đời nhất trên thế giới: nghề bói toán.

Thầy bói hay nhà ngoại cảm, tiếng Anh là psychic, là những người tự nhận có năng lực thấu thị những sự kiện quá khứ và tương lai của một người. Nhờ khả năng bí ẩn như vậy, nghề bói toán đủ sức trường tồn với thời gian. Dù đó là một giáo sư, một doanh nhân, một chính trị gia đầy hiểu biết cũng đều bị thu hút bởi năng lực kỳ bí này.

Tuy vậy, đây vẫn là một nghề đầy tranh cãi, thách thức các chuẩn mực về pháp lý, tự do ngôn luận ở nhiều quốc gia. Không ít thầy bói phải vào tù vì bị kết tội lừa đảo, và ngược lại, cũng có những nơi nghề bói toán được xem như một nghề nghiệp có

giá trị. Việt Nam là đất nước chưa thể hiện cách ứng xử rõ ràng về nghề nghiệp này.

Trong lúc báo chí nhà nước luôn lên án nặng nề về các nghề nghiệp liên quan đến tâm linh huyền bí, chúng ta hãy thử nhìn nhận nó một cách toàn diện hơn thông qua bốn hướng tiếp cận sau đây.

TỪNG PHỔ BIẾN Ở MIỀN NAM VÀ BỊ CẤM SAU NĂM 1975

Trước năm 1975, cô Hương là một trong những thầy bói nổi tiếng nhất ở Sài Gòn, hàng tháng cô được mời vào Phủ Tổng thống để xem bói cho Đệ nhất Phu nhân Nguyễn Thị Mai Anh - vợ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, và còn xem cho những bà vợ khác của các bộ trưởng. [3]

Các tướng lĩnh quân đội Việt Nam Cộng hòa cũng mê tín không kém. Các cố vấn quân sự Mỹ kể rằng có những cuộc tiến công phải hoãn lại vì chưa coi được ngày tốt. [4]

Trước đó, bói toán từng bị cấm dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm, một tín đồ Công giáo nhiệt thành, nhưng lại trở nên phổ biến ở miền Nam sau khi ông bị ám sát.

Các thầy bói thường hành nghề ở những ngôi chùa, đền, hoặc tự lập am, và không gian tâm linh vốn là nơi lui đến của những người đang có những bất an, lo lắng, cần nghe một lời khuyên bảo, dự đoán về tương lai. Sau cuộc đảo chính năm 1963, hàng trăm văn phòng bói toán mở công khai tại Sài Gòn. [5]

Trong khi đó, từ sau năm 1954, miền Bắc bài trừ triệt để các hoạt động tâm linh, tất nhiên có cả nghề bói toán, xem nghề này là “mê tín, dị đoan”, một trong những tệ nạn của xã hội. [6] Cuộc di cư năm 1954 đã mang nhiều thầy bói tiếng tăm vào hành nghề ở miền Nam.

Sau năm 1975, nghề bói toán ở miền Nam bị chế độ mới ngăn cấm. Chính quyền xem nghề này là di chứng đô hộ của Trung Quốc lên Việt Nam, đồng thời được Mỹ sử dụng để làm rệu rã tinh thần kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân.

Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy điều ngược lại. Bói toán cũng như các hình thức tâm linh khác đã trở thành lối sinh hoạt tinh thần không thể thiếu của người dân.

Trong thập niên 1980 và 1990, bất chấp việc chính quyền lên án, chỉ trích nặng nề, nghề bói toán cùng với các tín ngưỡng dân gian đã hồi sinh mạnh mẽ, trở thành một hình thức trợ giúp tinh thần đáng kể đối với người dân, nhất là khi chính quyền đưa cả nước đến bên bờ vực phá sản về kinh tế, khủng hoảng về tinh thần.

Từ những năm 1990, chính quyền bắt đầu chấp nhận văn hóa tâm linh truyền thống của người dân, xem nó như một bệ đỡ về tinh thần. Tuy nhiên, nghề bói toán vẫn không được thừa nhận công khai, bất chấp một thực tế là việc hành nghề kín đáo dưới nhiều hình thức bắt đầu hồi sinh mạnh mẽ. Chính vì vậy, hoạt động này đối mặt với nhiều rủi ro, có thể bị chính quyền quy chụp tuyên truyền mê tín, dị đoan bất cứ lúc nào.

ĐƯỢC CHÍNH QUYỀN CÔNG NHẬN NHƯNG VẪN BỊ PHẠT VÌ MÊ TÍN DỊ ĐOAN

Năm 2008, Tổng cục Thống kê đã ban hành danh mục nghề nghiệp để phục vụ cho tổng điều tra dân số, trong đó “nhà chiêm tinh, thầy bói và những người có liên quan khác” được coi là một nghề. [7]

Cũng trong năm 2008, một thầy bói ở huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, vừa được thả sau lần thứ hai thụ án tù vì tội hành nghề mê tín dị đoan, lại tiếp tục hành nghề. [8]

Đến năm 2020, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ký Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg để ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam, lại tiếp tục công nhận “nhà chiêm tinh, nhà tướng số và những người có liên quan đến tâm linh khác” là một nghề nghiệp. [9]

Quyết định này của thủ tướng mô tả cụ thể đặc trưng của nghề này là “nhắc lại quá khứ, dự đoán tương lai của cuộc đời con người qua tử vi, xem đặc điểm lòng bàn tay, rút thẻ hoặc các kỹ thuật khác”.

Quyết định cũng nói rõ về cách thực hành nghề này như viết lá số tử vi, xem chỉ tay, bói bài, bói bằng lá, bằng bã cà phê trong cốc hay bằng mẫu xương động vật chết, v.v.

Như vậy, nghề bói toán là một nghề đã được nhà nước công nhận một cách rõ ràng. Tuy nhiên, người phụ nữ coi bói bằng cách bỏ những quả cau gần đây đã bị xử phạt hành chính vì phổ biến mê tín, dị đoan.

Hiện nay, có hai quy định thường được chính quyền áp dụng để xử phạt hành chính liên quan đến vấn đề trên. Một là sử dụng mạng xã hội để phổ biến mê tín, dị đoan (Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của chính phủ). [10] Hai là lợi dụng tổ chức lễ hội để hoạt động mê tín, dị đoan (Nghị định 38/2021/NĐ-CP của chính phủ). [11]

Ngoài ra, Bộ luật Hình sự hiện hành cũng quy định phạt tiền và kết án tù đối với những người hành nghề mê tín, dị đoan đã từng bị xử phạt hành chính hoặc chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục làm nghề này. [12]

Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay không hề có một quy định cụ thể để xác định như thế nào mới là hoạt động mê tín, dị đoan. Liệu coi bói bằng cách bỏ một quả cau có khác gì xem bã trong cốc cà phê? Vì sao coi bói được công nhận là nghề như bao nghề nghiệp khác, nhưng

lại phạt người coi bói sử dụng mạng xã hội để hành nghề?

Từ nhiều thập kỷ qua, các hoạt động coi bói, xem tướng số đã được nhà nước tuyên truyền là mê tín, dị đoan. Người dân lẫn các cán bộ nhà nước đã ngầm hiểu như vậy. Nhưng khi nghề nghiệp này được công nhận thì gần như không có thông tin nào cập nhật hoặc tranh luận lại những định kiến đã hình thành bấy lâu nay.

Với sự phổ biến, công khai hoạt động của những nhà ngoại cảm hay thậm chí là các thầy bói, chính quyền có lẽ không thể cấm đoán nghề này như trước kia. Mặt khác, việc công nhận nghề nghiệp liên quan đến tâm linh cũng là sự thừa nhận những giá trị của nghề này.

Tuy nhiên, việc duy trì những quy định mơ hồ về mê tín dị đoan cho thấy chính quyền lại không muốn loại hình dịch vụ này phát triển. Khuôn khổ pháp luật hiện nay mở đường cho cấp thừa hành có cơ sở diễn giải và công cụ trừng phạt những người làm nghề này.

BÓI TOÁN LÀ MỘT PHẦN CỦA ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Tin vào sự tồn tại và khả năng giao tiếp với các linh hồn. Tin vào kiếp trước và kiếp sau. Tin vào số mệnh. Những niềm tin này là một phần trong truyền thống tâm linh người Việt nói riêng và người Á Đông nói chung. Bói toán là hình thức thực hành những niềm tin này.

Đài Loan được mệnh danh là “hòn đảo của bói toán”. [13] Academia Sinica, tổ chức học thuật hàng đầu của Đài Loan, thống kê có khoảng 1/3 người dân Đài Loan đi coi bói.

Bạn có thể dễ dàng tìm thấy người bói toán ở các chợ đêm, hay những nơi tập trung

hàng loạt các văn phòng bói toán như trạm tàu điện chùa Long Sơn ở thủ đô Đài Bắc, với đủ các hình thức coi bói như bói bài, bói chim, bói lá, thậm chí là xuất hiện các hình thức bói toán điện tử, game coi bói.

Người Đài khi có trở ngại về tâm lý thường tìm đến các thầy bói trước khi quyết định làm trị liệu. Việc đi gặp thầy bói được cho là giúp họ thoải mái hơn vì không phải khó nhọc để tự diễn tả những cảm xúc tâm lý của mình cho các bác sĩ tâm lý. [14]

Ông Chiu Hei-yuan, nhà xã hội học nổi tiếng và giáo sư tại Đại học Quốc gia Đài Loan, cho rằng nghề bói toán bùng nổ tại Đài Loan theo sau các biến động về chính trị. Người dân Đài Loan từng sống dưới sự cai trị của Nhật Bản, rồi chịu không khí ngột ngạt trong hơn 40 năm dưới thời kỳ Thiết quân luật, và sau đó là bước đi trên con đường dân chủ hóa, vì vậy ai cũng lo sợ sự bất ổn và luôn có nhu cầu biết trước về tương lai. Việc này đã thúc đẩy nghề bói toán cực kỳ phát triển. [15]

Tại Việt Nam, dưới thời kỳ Pháp đô hộ, nhiều hoạt động tâm linh kỳ bí đã diễn ra, trong đó có hoạt động cầu cơ, tức là gọi hồn người chết, để hỏi về tương lai, xin tài lộc, xin bài thuốc chữa bệnh, v.v. Hình thức cầu cơ cũng đã làm nảy sinh ra một tôn giáo mới ở miền Nam vào năm 1926, đó là đạo Cao Đài. Phật giáo Hòa Hảo cũng ra đời từ một người được cho là có khả năng chữa bệnh kỳ diệu, xem thấu quá khứ, biết trước tương lai.

Ở Việt Nam, do thiếu các số liệu điều tra về nghề bói toán, khó có thể nói được chính xác tình trạng, nhu cầu của người dân hiện nay đối với dịch vụ liên quan đến tâm linh. Tuy nhiên, từ khía cạnh lịch sử, tín ngưỡng, có thể thấy bói toán là một phần của đời sống tâm linh, tinh thần của người Việt. Bói toán đã trở thành bệ đỡ quan trọng cho tâm lý của người dân giữa những hoàn cảnh lịch sử đầy khó khăn.

BÓI TOÁN, LỪA ĐẢO VÀ QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN

Những người không có cảm tình với bói toán thường đánh đồng nghề này với lừa đảo. Đây cũng là một trong những vấn đề thường gặp nhất đối với người làm nghề này.

Người coi bói gần như có toàn bộ thẩm quyền phán xét về những điều mà người nghe không đủ cơ sở tranh cãi. Nhiều thầy bói đã lợi dụng yếu tố này để thao túng tâm lý khách hàng, bịa ra những điều gây hoang mang, rồi ép họ phải trả số tiền quá đáng để hóa giải kiếp nạn.

Trên thực tế, lừa đảo không chỉ có ở bói toán. Dự đoán về tương lai không chỉ có bói toán. Các nhà kinh tế dự đoán về thị trường, báo chí dự đoán về thể thao, chính trị gia dự đoán về kết quả bầu cử. Bản chất của lừa đảo là sự gian dối nhằm chiếm đoạt được thứ mà họ mong muốn từ người khác. Do vậy, lừa đảo có ở tất cả các ngành nghề.

Cho đến nay, thế giới vẫn tồn tại những quan điểm khác nhau về nghề nghiệp liên quan đến tâm linh. Một bên cho rằng nghề này nên bị cấm để bảo vệ người dân khỏi bị lừa đảo. Bên còn lại cho rằng nghề này cũng như bao nghề khác, là một nhu cầu rất cần thiết.

Ngay nội bộ nước Mỹ, các bang cũng có quy định không giống nhau về nghề bói toán.

Năm 1985, Tòa án tối cao của California đã bãi bỏ một sắc lệnh cấm xem bói, với lý do là nó trái với quyền tự do ngôn luận. Tòa phán quyết rằng một thầy bói cũng có quyền tính phí cho dịch vụ của mình, giống như những người môi giới chứng khoán. [16]

Một thẩm phán kết luận việc một thầy bói đưa ra nhận định cho khách hàng thì chưa được xem là lừa đảo, mà đó nên được xem là hoạt động truyền đạt quan điểm đơn thuần, và dù những quan điểm này có đáng nghi ngờ đến đâu đi chăng nữa thì cũng đều được hiến pháp bảo vệ. [17]

Tuy nhiên, một số bang khác ở Mỹ vẫn duy trì quy định hạn chế nghề bói toán. Thầy bói hành nghề ở New York có thể bị phạt 500 đô-la cho đến 90 ngày tù giam. [18] Tuy nhiên, New York vẫn đầy rẫy các văn phòng bói toán và họ hiếm khi bị truy tố. Các thầy bói ở bang Pennsylvania cảnh báo từ chối trách nhiệm đối với khách hàng, rằng họ chỉ xem bói nhằm mục đích giải trí mà thôi, để thoát khỏi việc có thể bị phạt 2.500 đô-la hoặc kết án đến một năm tù. [19]

Nhìn chung, dù có được luật pháp chấp nhận hay không thì nghề bói toán vẫn tồn tại bằng cách này hay cách khác, có cung tất có cầu là một quy luật cơ bản của kinh tế thị trường. Bói toán nên được xem là một thực tế xã hội, thể hiện niềm tin của người dân trong đời sống tín ngưỡng, tinh thần, cùng với đó là những mặt trái đòi hỏi người sử dụng dịch vụ phải thật sự tỉnh táo. □



*Samten Hills Dalat và
các trung tâm thiền của Mật tông*
**CÓ NĂM NGOÀI VÒNG VÂY
KIỂM SOÁT TÔN GIÁO?**

Một ngoại lệ khác thường.

Vincente Nguyen

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 8/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Từ cuối tháng 3/2023, khách du lịch đến huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, cách trung tâm Đà Lạt hơn 40 cây số, sẽ thấy một quần thể kiến trúc mang màu sắc tâm linh rất khác thường.

Không gian văn hóa tâm linh Phật giáo đó có tên là Samten Hills Dalat, chiếm trọn ba quả đồi với khoảng 500ha đất. [1]

Một kỷ lục thế giới đã được cấp cho quần thể này, cụ thể là công nhận đại bảo tháp Kinh Luân lớn nhất thế giới, được dát vàng, nặng khoảng 200 tấn. [2] Đây vốn là một pháp khí trong truyền thống Phật giáo Tây Tạng.

Phật giáo Tây Tạng hay Mật tông vốn là một nhánh Phật giáo không phổ biến tại Việt Nam nhưng giờ đây lại xuất hiện một cơ sở tâm linh khổng lồ tại tỉnh Lâm Đồng.

Trong khi đó, chính quyền vẫn chưa cho phép Làng Mai - một pháp môn Phật giáo nổi tiếng thế giới của Việt Nam - chính thức hoạt động. Những người Việt theo truyền thống Làng Mai phải sang các nước như Mỹ, Pháp, Thái Lan để tu tập.

Bên cạnh đó, chính quyền cũng không công nhận Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN), vốn được thành lập và hoạt động từ trước năm 1975. Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời vào năm 1981, các nhà sư kiên trì theo GHPGVNTN đã bị chính quyền bỏ tù, đàn áp, giới hạn hoạt động.

Vì sao Samten Hills, một quần thể mang dấu ấn của các giá trị Phật giáo bên ngoài lãnh thổ, lại được ưu ái như vậy?

KHU THAM QUAN... TÂM LINH, KHÔNG PHẢI TÔN GIÁO

Theo Phật giáo Tây Tạng, “samten” có nghĩa là trạng thái thân tâm nhất như trong thiền định. Samten Hills còn có tên gọi khác là Không gian văn hóa tâm linh Phật giáo Kim cương thừa.

Một trong những người sáng lập, điều hành Samten Hills Dalat là bà Nguyễn Thu Ngọc, đại diện của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kim Phát. Bà Ngọc cũng là đại diện của văn phòng công ty sữa VP Milk với nhà máy sản xuất sữa chỉ cách Samten Hills chừng hai cây số. [3]

Gần đây, bà Ngọc đã khẳng định với báo chí rằng dư luận không nên gọi Samten Hills là chùa, vì đây không phải là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng mà chỉ là “khu tham quan du lịch văn hóa tâm linh”. [4]

Website của Samten Hills giới thiệu sẽ có khu nhà hàng, nhà bán cà phê, khu nghỉ dưỡng cao cấp bao gồm các nhà riêng, villa để du khách trải nghiệm tâm linh trên những quả đồi tuyệt đẹp. Nơi đây cũng có các công trình Phật giáo không khác gì các quần thể kiến trúc của Phật giáo Tây Tạng như nhà đèn bơ, nhà hộ pháp, nhà trưng bày di sản Phật giáo Tây Tạng, v.v. [5]

Tất nhiên, Samten Hills không muốn tự nhận mình là chùa Phật giáo giống các khu du lịch tâm linh khác như Bái Đính, Tam Chúc. Điều đó giúp Samten Hills không phải lệ thuộc vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam, vì hiện nay không một nhánh Phật giáo nào dám công khai hoạt động mà không gia nhập giáo hội này.

Đồng thời, khi khẳng định mình chỉ là khu tham quan tâm linh, Samten Hills để thoát khỏi các quy định kiểm soát tôn giáo khắc nghiệt của nhà nước.

Tuy nhiên, có thật sự Samten Hills chỉ đơn thuần là một khu tham quan tâm linh đơn thuần?

HOẠT ĐỘNG SÔI NỔI TRONG LÚC CÁC NHÓM PHẬT GIÁO TRUYỀN THỐNG BỊ NGĂN CẢN

Dù không có nhà sư nào điều hành Samten Hills nhưng tính linh thiêng của nơi đây đã được đơn vị điều hành khôn khéo lồng ghép vào chuỗi hoạt động khai trương.

Trong ngày khai trương chính thức, rất nhiều nhà sư Tây Tạng xuất hiện, họ gần như đóng vai trò chủ trì nghi thức tôn giáo của buổi lễ khai trương.

Báo Lao Động cho biết việc xây dựng Samten Hills chính là tâm nguyện của Đại lão Hòa thượng Drubwang Sonam Jofel, người đứng đầu dòng truyền thừa Drigung Kagyu, nhằm “khơi thông dòng chảy Phật giáo Kim cương thừa tại Việt Nam”. [6]

Trong chuỗi hoạt động khai trương, Samten Hills đã tổ chức hàng loạt các hoạt động tôn giáo: Lễ Puja cầu nguyện, Đàn lễ Thượng lạc Kim cương Chakrasamvara, Lễ trao truyền Pháp tu Drigung Phowa và Quán đánh vô lượng thọ Phật, Lễ quán đánh Dzambala, Lễ quán đánh Lục Độ Mẫu, v.v. Tất cả đều do các nhà sư Tây Tạng chủ trì. [7]

Dòng truyền thừa Drigung Kagyu là một trong tám nhánh nhỏ của giáo phái Kagyu. Giáo phái Kagyu lại là một trong bốn giáo phái thuộc Phật giáo Tây Tạng. Giáo phái Kagyu khác với giáo phái Gelug của Dalai Lama. [8]

Những năm gần đây, Mật tông được một số người cố gắng truyền bá tại Việt Nam, nhóm này bao gồm những cá nhân thuộc tầng lớp có tiềm lực tài chính hoặc ảnh hưởng chính trị. Ngay cả nhà sáng lập, điều hành của Samten Hills, bà Nguyễn Thu Ngọc, cũng là một tín đồ nhiệt thành của Mật tông.

Năm 2020, một trung tâm thiền của dòng Drigung Kagyu đã được thành lập ở khu đô thị Phú Mỹ Hưng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh với cùng tên gọi Samten. Cho đến nay, nơi đây luôn diễn ra các hoạt động tu tập, thường xuyên cử hành các nghi lễ Mật tông do các nhà sư theo truyền thống này hướng dẫn. [9]

Theo quy định pháp luật về quản lý tôn giáo hiện nay, tất cả các hoạt động tôn giáo phải diễn ra tại các cơ sở tôn giáo đã được nhà nước cấp phép hoạt động. Trung tâm thiền đương nhiên không được xem là một cơ sở tôn giáo.

Trong một tờ thông báo, cơ quan điều hành của dòng tu này là Drigung Kagyud Rinchen Palri Society, có trụ sở ở Nepal, đã giới thiệu về trung tâm thiền như một cơ sở độc lập do cơ quan này thành lập tại Việt Nam, không hề nhắc gì đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam. [10]

Theo website chính thức của dòng truyền thừa nói trên, Việt Nam có đến 8 trung tâm thiền tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Hải Phòng. Việt Nam hiện là nước có số trung tâm thiền trực thuộc nhiều thứ nhì tại châu Á. Samten Hills Dalat là trung tâm thứ chín của dòng truyền thừa này. [11]

Samten Hills không đơn thuần chỉ là một khu du lịch nhằm mục đích kinh doanh thông thường. Không gian nơi đây phản ánh rõ nét những nỗ lực nhằm truyền bá truyền thống Mật tông tại Việt Nam.

Trong khi đó, vào 14 năm trước tại tỉnh Lâm Đồng, tăng đoàn Làng Mai đang tu tập thì bị đuổi khỏi một ngôi chùa của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Các tu sinh phải sinh hoạt màn trời chiếu đất. Cuối cùng, Làng Mai chấm dứt hoạt động tại Việt Nam. Sự việc này được cho là có bàn tay can thiệp của chính quyền Việt Nam. Từ đó đến nay, ngay cả sau khi thiền sư Thích Nhất Hạnh qua đời, Làng Mai vẫn chưa được phép hoạt động công khai. [12]

SỰ KHÁC THƯỜNG CỦA SAMTEN HILLS TRONG BỨC TRANH KIỂM SOÁT TÔN GIÁO VIỆT NAM

Sau lễ khánh thành khoảng một tháng, Bộ Nội vụ và Ban Tôn giáo Chính phủ đã yêu cầu chính quyền tỉnh Lâm Đồng giải trình về việc cấp phép cho khu du lịch tâm linh này. [13]

Động thái của Bộ Nội vụ cho thấy mối quan tâm đặc biệt của nhà nước khi hoạt động của trung tâm này thu hút nhiều luồng dư luận. Việc xây dựng Samten Hills có lẽ là một diễn biến trái ngược với bức tranh kiểm soát tôn giáo gắt gao hiện nay.

Chính quyền vẫn tiếp tục duy trì quan điểm giữ ổn định các hoạt động tôn giáo. Nhà nước Việt Nam không muốn tình hình tôn giáo trở nên phức tạp.

Các nhóm tôn giáo có yếu tố nước ngoài càng bị hạn chế tối đa tại Việt Nam. Điển hình như trường hợp của Hội thánh Đức Chúa Trời của Hàn Quốc, mặc dù chỉ sinh hoạt kín đáo ở một số địa phương nhưng vẫn bị chính quyền trấn áp.

Vì vậy, việc hình thành Samten Hills có nhiều khả năng tạo ra một tiền lệ mới thách thức trật tự quản lý nhà nước về tôn giáo (cụ thể là Phật giáo). Từ bấy lâu nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được nhà nước giao quyền kiểm soát toàn bộ hoạt động Phật giáo. Các pháp môn Phật giáo khác nhau phải gia nhập giáo hội này để hoạt động.

Trong khi đó, các nhà sư Tây Tạng, vốn không phải là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, lại có thể công khai tham gia hoạt động ở một cơ sở tâm linh bề thế, cử hành các nghi lễ tôn giáo cho hàng nghìn người tại Việt Nam, thì quả là một chuyện hiếm thấy.

Samten Hills do Công ty TNHH Kim Phát đầu tư. Ban đầu, công ty này xin chính

quyền cấp đất để trồng rừng, bảo vệ rừng; chăn nuôi bò sữa, xây dựng nhà máy chế biến sữa; tham quan du lịch về mô hình “từ trang trại đến bàn ăn”. Họ hoàn toàn không đề cập đến mục tiêu xây dựng khu du lịch tâm linh. Tuy nhiên, sau đó, công ty này đã bổ sung mục tiêu xây dựng khu du lịch tâm linh vào dự án. [14]

Việc xây dựng Samten Hills và các hoạt động truyền bá Mật tông của dòng truyền thừa Drigung Kagyu là ngoại lệ khác thường, nếu không muốn nói rằng quá trình này đang được một thế lực rất lớn từ trong nước hậu thuẫn.

Xét về khía cạnh tôn giáo, mô hình Samten Hills hay các hoạt động truyền bá Mật tông là không có gì sai trái. Thậm chí, quy trình cấp phép cho Samten Hills có thể đúng quy định của pháp luật như các bên công bố.

Tuy nhiên, cách thức mà dòng truyền thừa Drigung Kagyu đang phát triển ở Việt Nam sẽ khoét sâu thêm tình trạng phân biệt đối xử giữa các tôn giáo trong nước.

Hiện nay, người dân chỉ cần tự xây dựng một ngôi chùa cũng sẽ bị chính quyền xử phạt vì trước hết các ngôi chùa này phải trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, và sau đó nó phải phù hợp với các quy định pháp luật khác liên quan đến xây dựng và cấp phép hoạt động cho các cơ sở tôn giáo.

Hiện nay, có một số ngôi chùa thực tập theo pháp môn của Làng Mai nhưng vẫn hoạt động hết sức kín đáo, không thể công khai trực thuộc Làng Mai. GHPGVNTN cũng vô cùng khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động tôn giáo, các nhà lãnh đạo của giáo hội này gần như bị theo dõi liên tục.

Trong khi đó, các nhà sư Tây Tạng lại được thoải mái vào nước ta và công khai tổ chức các hoạt động Phật giáo một cách độc lập. Ngoại lệ nói trên không khỏi khiến dư luận thắc mắc về sự yểm trợ đằng sau những hoạt động này. ▢



CÁC DÒNG TRUYỀN THỪA MẬT TÔNG ĐANG TĂNG CƯỜNG SỰ HIỆN DIỆN Ở VIỆT NAM

Có bàn tay của cả giới doanh nhân và một số quan chức nhà nước?

Văn Tâm

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 24/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Trong lúc bạn đọc bài viết này, một nhân vật lưu vong nổi tiếng của Tây Tạng sau Dalai Lama vừa đến Việt Nam.

Nhà sư này là Gongma Trichen Rinpoche, 77 tuổi, người kế vị thứ 41 của giáo phái Sakya, một trong bốn giáo phái chính của Phật giáo Tây Tạng. Trong thời gian đến Việt Nam, ông và môn đồ của mình đã tổ chức nhiều nghi lễ, trong đó có lễ truyền giới cho đông đảo Phật tử. [1]

Không chỉ có giáo phái Sakya, các giáo phái Phật giáo Tây Tạng (Mật tông) khác như Drikung Kagyu, Drukpa Kagyu cũng thường xuyên đến Việt Nam một cách chính thức.

Một khu du lịch tâm linh đồ sộ theo dòng Drikung Kagyu mới được khánh thành ở tỉnh Lâm Đồng, bên cạnh hàng loạt các ngôi chùa, trung tâm thiền định của Phật giáo Tây Tạng tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước. [2]

Vì sao Phật giáo Tây Tạng hay nói cách khác là các dòng truyền thừa Mật tông đang tăng cường sự hiện diện tại Việt Nam?

TRUNG QUỐC XÂM LƯỢC, NHÀ SƯ LƯU VONG

Việc phổ biến Mật tông tại Việt Nam và các nước khác có liên quan đến lịch sử đau thương của Tây Tạng.

Tại Tây Tạng, Phật giáo chi phối hoàn toàn đời sống của người dân. Người Tây Tạng tin rằng các nhà sư chính là hiện thân của Phật. Do đó, các nhà sư được xem như những vị Phật sống với quyền năng rất cao. Họ không chỉ hoạt động tôn giáo mà còn nắm quyền điều hành đất nước. Dalai Lama được xem như vua, thống lĩnh tinh thần và điều hành toàn bộ Tây Tạng.

Năm 1949, chiến thắng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trước Quốc dân đảng đã mở ra thảm kịch của Tây Tạng. Mao Trạch Đông sau khi tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã đưa quân tiến chiếm Tây Tạng vào năm 1950. Dalai Lama lúc này mới 15 tuổi.

Từ năm 1951 đến năm 1959 đã xuất hiện người di cư ra khỏi Tây Tạng nhưng rất chiếm tỷ lệ nhỏ, chủ yếu là doanh nhân sợ ảnh hưởng của chiến tranh. [3]

Vào ngày 10/3/1959, người dân Tây Tạng đã nổi dậy đòi quyền tự trị và bảo vệ Dalai Lama trước quân đội Trung Quốc, rất nhiều người hy sinh trong cuộc đàn áp. [4] Để tránh số thương vong gia tăng, Dalai Lama phải vượt biên giới đến Ấn Độ bằng đường mòn vào cuối tháng Ba.

Ngay sau khi Dalai Lama rời khỏi đất nước, hàng chục nghìn người Tây Tạng đã vượt biên theo ông. Ngoài ra, họ còn đến Nepal và Bhutan. Ban đầu, chính phủ Ấn Độ tạo nhiều điều kiện tiếp nhận người tị nạn Tây Tạng. Người nào đến Ấn Độ từ năm 1959 đến năm 1979, và con cái của những người này, sẽ được cấp giấy tờ cho phép ở lại đồng thời có thể dùng giấy tờ này xuất cảnh và trở về Ấn Độ.

Gongma Trichen Rinpoche, người đứng đầu giáo phái Sakya, mới vừa truyền giáo tại Việt Nam, cũng từng vượt biên sang Ấn Độ vào năm 1959.

Tuy nhiên, cho đến nay, các nhà sư Tây Tạng chưa bao giờ có cuộc sống ổn định tại Ấn Độ.

TRUYỀN BÁ MẬT TÔNG ĐẾN CÁC NƯỚC

Ngay sau khi đến Ấn Độ, Dalai Lama đã gấp rút xây dựng thể chế dân chủ cho cộng đồng Tây Tạng lưu vong.

Ông đã thành lập Chính phủ Tây Tạng lưu vong (Tibetan Government-in-Exile), bao gồm đại diện từ các giáo phái và khu vực của Tây Tạng. Việc thành lập nền hành chính của Tây Tạng ở Ấn Độ đã góp phần vào việc chăm lo cho người dân lưu vong, đồng thời tổ chức các hoạt động đấu tranh bất bạo động nhằm giành lại nền độc lập cho Tây Tạng. [5]

Tuy nhiên, tại Ấn Độ, người Tây Tạng, bao gồm các nhà sư, không được công nhận là người tị nạn, do Ấn Độ chưa ký công ước về tị nạn của Liên Hiệp Quốc. Đồng thời, Ấn Độ cũng không muốn gây hiềm khích với Trung Quốc nên đã không có chính sách cư trú phù hợp cho người Tây Tạng. [6]

Đến nay, người Tây Tạng ở Ấn Độ vẫn sống trong tình trạng pháp lý tạm bợ, mong manh, khó khăn trong tìm việc làm, mua nhà, tiếp cận tín dụng ngân hàng, thậm chí là bị một số trường đại học từ chối. Chính sách cư trú của họ có thể bị thay đổi bất cứ lúc nào. Chính điều này tạo áp lực rất lớn lên các nhà sư Tây Tạng. [7]

Năm 2011, có khoảng 150.000 người Tây Tạng tị nạn ở Ấn Độ, nhưng đến năm 2018 chỉ còn khoảng 85.000 người, giảm đến 44%, theo thống kê của Ấn Độ. Số người ra đi đã đến định cư ở Canada, Mỹ, Thụy Sĩ, Đức và hàng chục nước khác. [8]

Một lý do nữa khiến các nhà sư Tây Tạng lập trung tâm ở nước ngoài là để thu hút nguồn lực cho giáo phái của mình.

Các giáo phái vốn đã bị suy giảm nguồn lực hoạt động khi rời khỏi Tây Tạng, nhưng Ấn Độ cũng không phải là nơi có đông đảo tín đồ đạo Phật. Việc các nhà sư phải mở rộng hoạt động ra các quốc gia khác là rất cần thiết. Mật tông hiện nay không chỉ có tín đồ là người Tây Tạng mà còn thu nhận tín đồ từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh tài trợ cho hoạt động tôn giáo, các nhà sư Tây Tạng khi mở rộng phạm vi hoạt động đã tranh thủ thể hiện động thái ngoại giao lên án Trung Quốc, tạo thành một mạng lưới liên kết rất chắc chắn. Cộng đồng lưu vong Tây Tạng có thể nói là một trong những cộng đồng vận động quốc tế rất thành công, duy trì được sự ủng hộ lâu dài của các tổ chức quốc tế.

PHẬT GIÁO TÂY TẠNG TRUYỀN VÀO VIỆT NAM

Nhiều thế kỷ trước, Mật tông đã ảnh hưởng đến Phật giáo Việt Nam. Nhưng dù xét ở khía cạnh nào, ảnh hưởng của Mật tông vẫn rất nhỏ, đến năm 1936 mới có một nhà sư Việt Nam được cho là đã thọ giới trực tiếp từ một nhà sư Tây Tạng, nhưng chưa lập được dòng truyền thừa nào tại Việt Nam. [9]

Cho đến đầu những năm 2000, vẫn chưa có nhà sư Tây Tạng nào đến Việt Nam để lập các dòng truyền thừa. Có chăng là một số nhà sư Việt Nam được thọ giới từ các nhà sư Tây Tạng và họ nỗ lực truyền bá Mật tông bằng một cách chính thức hơn.

Năm 2007, chính quyền cho phép người đứng đầu dòng truyền thừa Drukpa Kagyu, Gyalwang Drukpa, đã đến thăm chính thức ở chùa Hương. [10] Vị này tiếp tục có chuyến thăm Việt Nam vào năm 2008 [11], 2010 [12], 2011 [13], 2013 [14], 2014 [15], 2015 [16]. Năm 2016, ông đã tham gia lễ bổ nhiệm trụ trì chùa Tây Thiên, một ngôi chùa Mật tông của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. [17] Ba năm liên tiếp 2017 [18], 2018 [19], 2019 [20] ông đều xuất hiện trong các diễn đàn, đại lễ, Phật sự tại Việt Nam, và phải đến bốn năm sau (2023) ông mới trở lại Việt Nam một lần nữa sau đại dịch. [21]

Năm 2010, một vị đại sư của dòng truyền thừa Drikung Kagyu đã thăm chính thức một số nhà sư Việt Nam. [22] Năm 2015 [23] và 2016 [24], Drikung Kyabgön Chetsang, người đứng đầu dòng truyền thừa này đến

Việt Nam tổ chức nhiều nghi lễ khác nhau. Đây cũng là một nhà sư lưu vong của Tây Tạng tại Ấn Độ. Ông cũng thăm Việt Nam liên tiếp vào các năm 2017 [25], 2018, 2019 [26], 2022 [27]. Tháng 3/2023, ông đã đến dự và thực hiện nghi thức cắt băng khánh thành một khu du lịch tâm linh theo dòng truyền thừa này tại tỉnh Lâm Đồng. [28]

Dòng Sakya là dòng Phật giáo Tây Tạng vào Việt Nam trễ nhất, bắt đầu vào năm 2017 và gián đoạn cho đến năm 2023 mới quay trở lại. [29] Tuy nhiên, trong khoảng thời gian gián đoạn này, các hoạt động tôn giáo vẫn được tiến hành thường xuyên do các nhà sư người Việt theo phái này cử hành ở trung tâm thiền tại Quận 7 và chùa của dòng này tại huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Có thể thấy một số dòng Phật giáo Tây Tạng đã xuất hiện đều đặn tại Việt Nam trong những năm gần đây. Một số dòng còn xây dựng nhiều trung tâm thiền, thậm chí là lập chùa tại Việt Nam.

VÌ SAO CÁC DÒNG TRUYỀN THỪA MẬT TÔNG ĐƯỢC CHÀO ĐÓN Ở VIỆT NAM?

Sự xuất hiện của các nhà sư Tây Tạng trong tất cả các chuyến thăm Việt Nam đều đã được nhà nước cho phép. Một số sự kiện còn được Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho mượn chùa để cử hành nghi lễ.

Có quan điểm cho rằng Việt Nam mượn nhà sư Tây Tạng để chứng minh với quốc tế rằng Việt Nam cởi mở trong vấn đề tự do tôn giáo. [30]

Nhận định này có thể cũng không sai khi nhiều nước ở châu Á chấp nhận các nhà sư Tây Tạng đến mở cơ sở tu tập, nhưng có lẽ còn nhiều nguyên nhân khác nữa. Trong đó, Phật giáo Tây Tạng có thể phù hợp với nhu cầu tâm linh của một bộ phận người dân.

Mật tông là một nhánh Phật giáo bí hiểm. Mật tông hay Kim Cương Thừa chú trọng tu tập để đạt cảnh giới giác ngộ nhanh chóng, nhánh này nổi tiếng với việc thực hành các bí thuật về thần chú, thủ ấn (bắt ấn bằng các ngón tay), tu tập bằng mandala (hình đồ mang ý niệm tôn giáo), v.v.

Mặt khác, theo truyền thống của Tây Tạng, các nhà sư Tây Tạng, nhất là những người đứng đầu các giáo phái được cho là hiện thân của các vị Phật.

Hai lý do vừa nêu trên được tìm thấy ở rất nhiều tôn giáo mới hiện nay, một phần đáng kể đến từ nước ngoài. Các tôn giáo mới này có giáo chủ lãnh đạo, họ thường tự xưng là hiện thân của Phật hay Chúa trời, đưa ra lời răn dạy, hành xử như các bậc tối cao, thiêng liêng. Hình thức tôn giáo có giáo chủ hiện thế, lại còn là hóa thân của bậc giác ngộ, đã đáp ứng nhu cầu của rất nhiều người dân.

Một lý do khác nữa là Phật giáo Việt Nam do các nhà sư thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam lãnh đạo đang ngày càng mất uy tín, nhất là khi dính líu đến vấn đề tiền bạc, chính trị, dần xa rời các giáo lý hay pháp môn nguyên thủy. Sự xuất hiện kịp thời của các nhà sư hải ngoại mang đến một tinh thần hoằng pháp mới. Dù vậy, Mật tông vào Việt Nam vẫn sẽ an toàn hơn khi chính quyền có thể dùng các nhà sư của giáo hội để kiểm soát các nhà sư Tây Tạng.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận một thực tế rằng Việt Nam đang có rất nhiều tôn giáo mới hoạt động, và bị chính quyền xem như một rắc rối rất lớn về chính trị, cho nên việc mời các nhà sư Tây Tạng đến Việt Nam là một ngoại lệ hiếm hoi.

Cho đến nay, dòng truyền thừa Gelug - dòng Phật giáo của Dalai Lama - vẫn chưa xuất hiện chính thức tại Việt Nam. Điều này có lẽ rất nhạy cảm trong vấn đề ngoại giao với Trung Quốc.

Trên thực tế, các hoạt động tôn giáo của Mật tông được phổ biến ở mức độ thấp, thể hiện sự cho phép có chừng mực. Ví dụ như người thủ ngôi thứ 41 của dòng Sakya, một nhân vật lưu vong nổi tiếng của Tây Tạng, đến Việt Nam suốt hai tuần nhưng vẫn không có báo chí nhà nước đưa tin. Nếu có đưa tin, báo chí thường gọi các nhà sư này là nhà sư Ấn Độ, Bhutan, chứ không gọi thẳng là nhà sư lưu vong Tây Tạng.

Bên cạnh đó, việc các nhà sư Tây Tạng xuất hiện tại Việt Nam có vẻ mang tính nghi lễ nhiều hơn, khi các phái đoàn này chỉ được thực hiện các hoạt động tôn giáo thuần túy trong thời hạn cho phép, thường là hai tuần. Các nhà sư Tây Tạng không được ở lại Việt Nam hay điều hành các trung tâm, chùa của mình, mà phải nhờ vào nhà sư người Việt.

Câu chuyện các dòng tu Mật tông đến Việt Nam một cách chính thức dường như có bàn tay của cả giới doanh nhân lẫn một số quan chức nhà nước, trước mắt là vì nhu cầu tu tập cá nhân và ý muốn quảng bá nhanh dòng Phật giáo này tại Việt Nam. Nhưng bất luận thế nào, các hoạt động tôn giáo dù được nhà nước cho phép đi nữa vẫn sẽ rất khó tạo nên tiếng vang lớn nếu không có sự tài trợ đáng kể từ những Phật tử giàu có và quyền lực. □



CỘNG TÁC VỚI LUẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.com/guibai



VÌ SAO CÁC CHẾ ĐỘ CÔNG SẢN Ở ĐÔNG DƯƠNG ỨNG XỬ KHÁC NHAU TRONG VẤN ĐỀ TÔN GIÁO?

*Thu nạp hay cưỡng chế tùy thuộc
vào năng lực của bộ máy quan liêu.*

Vincente Nguyen

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 12/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Các tôn giáo có tính tổ chức xuất hiện từ giai đoạn Đông Dương thuộc Pháp đã vượt qua nhiều sóng gió và những mối đe dọa sống còn để tồn tại đến ngày nay. Tôn giáo thường bị xem là định chế nắm giữ quyền lực xã hội khổng lồ nên chúng ít nhiều khiến các chế độ toàn trị ở cả Việt Nam, Lào và Campuchia phải dè chừng, ngay cả khi các cuộc chiến tranh chấm dứt.

Nửa sau thế kỷ 20 của giai đoạn Đông Dương thuộc Pháp là thời kỳ xảy ra những cuộc chiến khốc liệt. Có thể kể đến cuộc nội chiến đẫm máu ở Lào (1959 - 1975), nạn diệt chủng ở Campuchia (1975 - 1979) và hai cuộc chiến tranh lớn chống Pháp và Mỹ ở Việt Nam (1946 - 1975). Các cuộc chiến này không những gây ra nỗi kinh hoàng chưa từng thấy đối với người dân của từng quốc gia, chúng còn làm thay đổi vĩnh viễn bản chất của mối quan hệ nhà nước - xã hội.

Năm 1975 là dấu mốc quan trọng trong việc tìm hiểu quỹ đạo chung trong mối liên hệ giữa chế độ và tôn giáo ở các quốc gia này. Đây là thời điểm các chế độ cộng sản nắm quyền chính trị tại ba nước Đông Dương và chính thức đủ khả năng đặt ra các chính sách nhằm vô hiệu hóa mối đe dọa từ các tôn giáo có tính tổ chức đến quyền lực chính trị của họ.

Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc các chính sách tôn giáo của ba quốc gia này sẽ giống nhau về mặt hình thức lẫn hiệu quả.

Kinh nghiệm thời chiến, hệ thống nhà nước và văn hóa quan liêu kế thừa trong lịch sử, v.v. của mỗi quốc gia tạo nên những thể mạnh và cả

yếu điểm tương đối khi họ “đối phó” với tôn giáo. Từ đó, khả năng kiểm chế sức ảnh hưởng của các tôn giáo có tổ chức ở từng nhà nước cũng khác nhau một cách đáng kể.

Nhìn tổng quan, dù chế độ cai trị tại các quốc gia này đều cùng theo đuổi một cam kết giống nhau là giảm bớt năng lực tổ chức và sự thu hút mang tính biểu tượng của tôn giáo bên trong quốc gia mình, nhưng sự khác biệt về sức mạnh và truyền thống của bộ máy nhà nước được xem là lý do thuyết phục nhất để giải thích tại sao hai quốc gia Lào và Campuchia với bộ máy quan liêu/ hành chính yếu kém thì sẽ lưỡng lự giữa việc đồng thuận và cưỡng chế đối với tôn giáo có tổ chức. Trong khi đó, Việt Nam lại có thể thỏa hiệp và giám sát hệ thống phân cấp tôn giáo thông qua mô hình giáo hội dưới sự quản lý của nhà nước, tương tự Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Để lý giải vấn đề trên, bài viết xin giới thiệu tới bạn đọc một nghiên cứu có tên là *“To co-opt or coerce? State capacity, regime strategy, and organized religion in Cambodia, Laos, and Vietnam”* của tác giả Adam E Howe, Đại học Fairfield, Hoa Kỳ. [1]

Trong nghiên cứu của mình, tác giả nhận định rằng giới chóp bu của chế độ ở Việt Nam đã thành công trong việc thu nạp tôn giáo có tổ chức thông qua bộ máy quan liêu nhà nước. Ngược lại, các chế độ ở Campuchia và Lào đã dao động qua lại giữa một bên là việc dùng các chính sách cưỡng chế mang tính bạo lực và một bên là sự điều chỉnh chiến lược để phân tán quyền lực của các nhóm tôn giáo trong nước.

Mở đầu nghiên cứu, tác giả đề cập tổng quát về nhà nước, chế độ và tôn giáo có tính tổ chức. Tác giả cho rằng các quốc gia đang hoạt động dù với hình thức chính phủ dân chủ hay độc tài, đều nắm giữ quyền lực tối cao để trừng phạt những người bất đồng.

Thông thường, chế độ độc tài sẽ cố gắng tạo ra hoặc lợi dụng một hệ tư tưởng đã tồn tại từ trước và truyền bá nó thông qua một đảng chính trị duy nhất. Chế độ dạng này cũng có thể duy trì quyền lực của mình nhờ vào việc tiến hành thu phục, kết nạp công dân hay các hội nhóm nhờ các đặc quyền chính trị, kinh tế hoặc các mục đích khác, từ đó kết nối lợi ích của một bộ phận dân chúng với lợi ích của chính quyền.

Nếu các hình thức thu nạp này không hiệu quả, các chính quyền nói trên sẽ tận dụng các biện pháp dọa nạt, tù tội hình sự hoặc thậm chí là đàn áp bằng bạo lực đối với những người bất đồng. Điều này giúp họ loại bỏ được mối đe dọa đương nhiên, dễ nhận thấy nhất đối với chế độ và đồng thời cũng là để truyền đạt thông điệp mạnh mẽ tới những người bất đồng tiềm năng khác.

Tùy từng thời điểm khác nhau, các chế độ độc tài sẽ vận dụng kết hợp các chiến thuật trên. Tuy nhiên, tác giả cho rằng tầng lớp chớp bu vẫn ưa thích việc thu nạp hơn là các công cụ trừng phạt, đặc biệt nếu đối mặt với sự kháng cự mang tính chất tôn giáo.

Một yếu tố khác đáng quan tâm nữa là năng lực nhà nước có sức ảnh hưởng quan trọng bậc nhất khi hình thành các lựa chọn liên quan đến chiến lược quản lý tôn giáo. Quyền lực cưỡng chế và quyền lực quan liêu/ hành chính ảnh hưởng gần như hoàn toàn đến chiến lược của chế độ.

Mặc dù nhiều quan điểm đã cố gắng chỉ

ra hệ tư tưởng chính trị (chủ nghĩa Marx hay chủ nghĩa tư bản) hoặc tính cách của các lãnh đạo (thân thiện, bảo thủ, v.v.) có ảnh hưởng đến cách thức quản lý tôn giáo ở những quốc gia độc tài, nhưng tác giả không hoàn toàn đồng tình với những cách tiếp cận này. Ông cho rằng năng lực quan liêu nhà nước là một lời giải thích thuyết phục hơn cho chiến lược của chế độ đối với tôn giáo có tổ chức.

Cụ thể hơn, tác giả chỉ ra rằng khi đứng trước lựa chọn giữa cam kết về ý thức hệ của chủ nghĩa Marx và vấn đề thực tế của việc thực thi và duy trì quyền lực chính trị, giới lãnh đạo chớp bu của cả ba quốc gia Đông Dương thường ưu tiên phương án thứ hai.

Ở Campuchia, những nỗi kinh hoàng gây ra trong thời kỳ Khmer Đỏ phản ánh một chế độ hầu như dựa hoàn toàn vào bộ máy cưỡng chế để cai trị. Chính sự yếu kém của truyền thống quản lý nhà nước Campuchia đã để cho Khmer Đỏ có cơ hội nắm quyền ngay từ sớm.

Thời gian đầu, Khmer Đỏ vẫn nhận thấy lợi ích trong việc sử dụng các khẩu hiệu và biểu tượng Phật giáo để thu hút sự ủng hộ của quần chúng nông dân truyền thống. Dù Khmer Đỏ xem Phật giáo là có ảnh hưởng xấu đối với người dân nhưng họ vẫn lợi dụng tôn giáo này một cách triệt để nhằm nắm bắt quyền lực trước tiên. Chỉ sau khi năng lực bạo lực của Khmer Đỏ được độc quyền hóa một cách chắc chắn, Phật giáo mới chính thức trở thành đối tượng bị thanh trừng. Sau khi Pol Pot và bè phái của ông ta gần như phá hủy hoàn toàn việc thực hành Phật giáo thì chế độ diệt chủng Khmer Đỏ mới bị đánh bật quyền lực.

Khi Hun Sen lên nắm quyền, ông nhanh

chống công khai xin lỗi về những sai lầm gây ra đối với Phật giáo. Các quan chức nhà nước cũng bắt đầu bảo trợ Phật giáo thông qua các hoạt động sùng đạo. Tiếp đó, Hun Sen tái khẳng định quyền lực của mình ở Campuchia song song với chính sách xem Phật giáo là quốc giáo chính thức. Một lần nữa, ông cố gắng duy trì khả năng thao túng của nhà nước với tôn giáo để duy trì quyền lực. Mặc dù có xu hướng độc đoán, nhưng ông đã thực hiện đúng lời hứa nói lỏng hơn đối với việc thực hành Phật giáo ở Campuchia nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng.

Có thể nói, chế độ cai trị dưới thời Hun Sen gắn liền với sự tự do hóa tôn giáo dần dần. Tuy nhiên, ông cũng không ngần ngại trong việc đàn áp các nhân vật tôn giáo, đặc biệt trong kỳ bầu cử 1998 hay trong thời kỳ cải cách ruộng đất.

Đối với Campuchia, Khmer Đỏ đã phá hủy những gì còn sót lại của một quốc gia yếu ớt. Kể từ đó, các chế độ không ngừng nối tiếp nhau thử nghiệm việc thỏa hiệp lẫn ép buộc như một phương tiện để kiểm soát và lợi dụng tôn giáo.

Đối với Lào, chính quyền lại nhận ra rằng họ không thể cai trị chỉ bằng cường bức.

Thiếu một chính đảng vô sản và một truyền thống nhà nước mạnh, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (LPRP) bận tâm nhiều hơn tới việc chống lại các mối đe dọa từ các nhóm sắc tộc và tôn giáo thiểu số. Vì vậy, các quan điểm hay niềm tin chính trị về loại trừ tôn giáo bị lơ đi. Thay vào đó, họ tìm cách thu nạp Phật giáo như một phương tiện để nâng cao tính chính danh cho nhà nước mình.

Trước khi lên nắm quyền vào năm 1975, LPRP đã tìm cách thu nạp các nhà sư vào bộ máy đảng, vì các nhà cách mạng nhận thấy lợi ích của việc tranh thủ sự ủng hộ của giới tu sĩ Phật giáo.

Song không lâu sau khi chính thức lên nắm quyền vào năm 1975, chế độ này lại áp dụng một số biện pháp có tính kiểm soát hà khắc hơn đối với Phật giáo có tổ chức, một phần để thu hút các nhóm thiểu số không theo đạo Phật.

Các lãnh tụ Lào biết rằng họ thiếu các nguồn lực quan liêu, truyền thống nhà nước và năng lực cưỡng chế mạnh mẽ cần thiết để thống trị xã hội. Vì lý do này, họ luôn trung thành với các chính sách theo chủ nghĩa thỏa hiệp.

Trong suốt những năm 1970 và 1980, chính sách của chế độ Lào đối với tôn giáo thường xuyên được điều chỉnh và sau đó được sửa đổi dựa trên vị thế trong nước của chế độ. Trong thời kỳ khó khăn này, chế độ phải dựa vào Phật giáo như một trụ cột quan trọng để nâng cao tính hợp pháp của mình.

Quan trọng nhất, sự yếu kém của nhà nước Lào đồng nghĩa với việc LPRP có nhiều khả năng thử nghiệm cả sự thỏa hiệp và cưỡng chế tôn giáo để đạt được mục tiêu của họ. Cuối cùng, chế độ nhận ra rằng nó cần có sự ủng hộ của tôn giáo để giải quyết vấn đề chính danh của nó.

Sự bảo trợ tạm thời của nhà nước Lào đối với Phật giáo, do đó, không phải là không có những phức tạp tiềm ẩn, vì gần một phần ba công dân Lào không theo đạo Phật.

Kinh nghiệm của Việt Nam về tôn giáo có tổ chức hoàn toàn trái ngược với Campuchia và Lào.

Mặc dù Đảng Cộng sản Việt Nam ban đầu dựa vào bạo lực để đặt các nhóm tôn giáo bất đồng chính kiến dưới sự kiểm soát của nhà nước nhưng khả năng của họ trong việc tạo ra một bộ máy quan liêu có thứ bậc và từ đó là khả năng điều chỉnh và kiểm chế các định chế tôn giáo bên trong hệ thống quan liêu đó không thể xem nhẹ. Thông qua việc thu nạp giới tinh hoa tôn giáo vào các giáo hội do nhà nước quản lý, sự kiểm soát tôn giáo của Việt Nam an toàn hơn so với các nước láng giềng Lào và Campuchia.

Vì sao lại có sự khác biệt này?

Theo tác giả, không giống như các nước láng giềng Campuchia và Lào, Việt Nam có một bộ máy quan liêu kiểu Nho giáo trước khi người Pháp đến. Nhiều nghiên cứu chỉ ra đó là mô hình quản lý nhà nước thống nhất, mô hình hoạt động có ban bệ, kinh nghiệm bình ổn quần chúng, v.v. Do đó, những người cộng sản không hẳn xây dựng nhà nước theo mô hình cộng sản mà lại quản lý tốt được tôn giáo, đơn giản là vì họ không phải xây dựng lại từ đầu và thừa hưởng những nền tảng khá vững chắc của một bộ máy nhà nước quan liêu ổn định, có khả năng tiến hóa hiện đại.

Trên thực tế, những nỗ lực xây dựng nhà nước ban đầu ở Việt Nam mang lại hiệu quả nhất định. Bộ Chính trị đã dựa vào một bộ máy mạnh mẽ của đảng để tổ chức, khai thác và điều chỉnh tôn giáo có tổ chức. Đây cũng là chỉ báo về một nhà nước hành chính/ quan liêu đầy quyền lực.

Nếu phân tích theo quá trình, ngay sau khi thống nhất, đảng đã trực tiếp đàn áp Phật giáo có tổ chức còn tồn tại ở miền Nam Việt Nam. Nhưng ngay sau đó, chế độ đã chuyển sang tài trợ cho tổ chức Phật giáo của chính mình, tức là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chế độ dần chuyển từ đàn áp trực tiếp sang nhắm đến các mục tiêu cụ thể, chọn lọc những tiếng nói bất đồng chính kiến.

Về phần mình, Giáo hội Công giáo tại Việt Nam luôn lo sợ đối mặt với sự hủy diệt, tuy nhiên, tác giả cho rằng có rất ít trở ngại đáng kể đối với việc thực hành tôn giáo của tín đồ. Việc tham dự thánh lễ ở miền Nam Việt Nam rất nhiều, miễn là nhà thờ Công giáo đủ cẩn thận không thách thức chính quyền nhà nước. Kể từ sau năm 1980, nhà nước luôn tìm cách đưa Công giáo vào quỹ đạo quản lý, bắt từ việc dựng nên Ủy ban Đoàn kết Công giáo Yêu nước Việt Nam (CSPVC).

Ngoài ra, các cuộc chiến tranh với Pháp, Mỹ và Campuchia, hay những đe dọa quân sự từ nước láng giềng Trung Quốc đã khuyến khích Việt Nam tiếp tục xây dựng, cải thiện khả năng quân sự, củng cố sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Do đó, nhà nước Việt Nam chỉ càng trở nên mạnh hơn về cả năng lực quan liêu và cưỡng chế theo thời gian.

Cách tiếp cận của Việt Nam trong việc quản lý tôn giáo có tổ chức vẫn tương đối nhất quán theo thời gian. Sự phát triển của bộ máy hành chính/ quan liêu và cưỡng chế sau ngày thống nhất giúp đảng có thể thu nạp Phật giáo và Công giáo một cách hiệu quả hơn bằng cách tạo ra các giáo hội nhà nước có tính thứ bậc. Đồng thời, chế độ cũng áp dụng có chọn lọc các chiến thuật cưỡng chế nhắm vào các nhà lãnh đạo tôn giáo bất đồng chính kiến. Việt Nam sau khi thống nhất đã không phải dựa vào các cuộc đàn áp công khai hoặc dài hạn đối với các nhân vật tôn giáo.

Điều quan trọng là các nhóm tôn giáo đã không gây ra mối đe dọa đáng kể nào đối với chế độ ở Việt Nam trong nhiều thập kỷ do chương trình tuyển chọn thành công được thực hiện bởi bộ máy hành chính nhà nước.

Nghiên cứu đã mang lại những phát hiện mới trong việc nhận thức mối liên hệ giữa năng lực nhà nước và chiến lược của chế độ, chứng minh rằng không phải tất cả các chế độ độc tài đều được trang bị các công cụ hành chính/ quan liêu cần thiết để thu nhận tôn giáo có tổ chức một cách hiệu quả.

Điều này giúp chúng ta hiểu rõ hơn tại sao phản kháng chính trị tập thể dựa trên tôn giáo hiếm khi xảy ra ở Việt Nam nhưng vẫn tồn tại ở Lào và Campuchia bất chấp lịch sử bạo lực của chế độ. Nghiên cứu này cũng cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách quan tâm đến những trở ngại và cơ hội để thúc đẩy tự do tôn giáo và xã hội dân sự trong bối cảnh độc tài. □

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG



“THỜI CỦA THÁNH THẦN”
VÀ NHỮNG KHÚC QUANH
NGHIỆT NGÃ CỦA LỊCH SỬ
HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

*Cuốn sách cấm đáng đọc
cho những ai đam mê lịch sử.*

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 9/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Ngay sau khi viết xong bài điểm sách về “Những thiên đường mù” của Dương Thu Hương tuần trước, tôi biết cần phải điểm cuốn gì tiếp theo.

“Thời của thánh thần” ra đời vào tháng 8/2008, trước “Đỉnh cao chói lọi” của Dương Thu Hương vài tháng. Nếu như “Đỉnh cao chói lọi” được xuất bản đảng hoàng ở nước ngoài thì “Thời của thánh thần” được nhà văn Hoàng Minh Tường viết ở trong nước, do Nhà xuất bản Hội Nhà văn phát hành.

Và chỉ vài ngày sau khi lên kệ, chính tác giả của nó phải đi từng hiệu sách ở Hà Nội để thu hồi vì có lệnh của Cục Xuất bản. [1]

Từ đó đến nay, cuốn sách chưa từng được xuất bản trở lại. Cái tên Hoàng Minh Tường kể từ đó cũng biến mất khỏi các kênh chính thống, nhưng về sau ông trở lại với tư cách là một trong những người đầu tiên ghi danh thành lập Văn đoàn Độc lập vào năm 2014 và tiếp tục xuất hiện trên văn đàn với những tiểu thuyết xuất bản ở nước ngoài.

“Thời của thánh thần” - cũng giống như “Những thiên đường mù” và “The Mountains Sing” của Nguyễn Phan Quế Mai - đều là những tiểu thuyết lịch sử kể về bi kịch của những gia đình miền Bắc ly tán và đoàn tụ sau những cơn tao loạn của lịch sử Việt Nam thế kỷ 20. “Thời của thánh thần” đồ sộ hơn hai cuốn còn lại, lên tới hơn 600 trang, và cũng không theo đuổi cấu trúc đan cài quá khứ và hiện tại. Toàn bộ cuốn tiểu thuyết này là một mạch truyện cực kỳ lôi cuốn được kể theo tuyến tính thời gian từ trước Cách mạng tháng Tám cho tới đầu thập niên 2000.

Không giống với hai cuốn tiểu thuyết kia, các nhân vật của “Thời của thánh thần” có nguyên mẫu, hay lấy chất liệu từ những nhân vật rất quen thuộc trong lịch sử lẫn thời hiện đại ngày nay.

Ngoại trừ mối liên hệ giữa gia đình họ Nguyễn Kỳ - trung tâm của câu chuyện - với những nhân vật có thật như Tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến, hay một vài nhân vật khác được nhắc đến như Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Trịnh Văn Bô, Nguyễn Thị Năm, Nguyễn Văn Linh, các nhân vật chính đều cho ta nhiều mối liên tưởng tới nguyên mẫu của họ. Chính tác giả cũng phải có lời bạt rằng ông “không ám chỉ một ai, một nơi nào trong đời thực” và xin bạn đọc “thể tất mọi điều”.

Gia đình họ Nguyễn Kỳ là một gia đình đứng giữa ngã năm ngã bảy của lịch sử. Chính ngôi làng Động ở vùng châu thổ sông Hồng của họ cũng vậy. Nó là nơi hành quân của các binh đoàn trong hàng trăm

năm lịch sử, đến thời chiến tranh chống Pháp nó lại là nơi Việt Minh và Pháp giành giết nhau, rồi đến thời chống Mỹ thì là nơi B52 ném bom rải thảm.

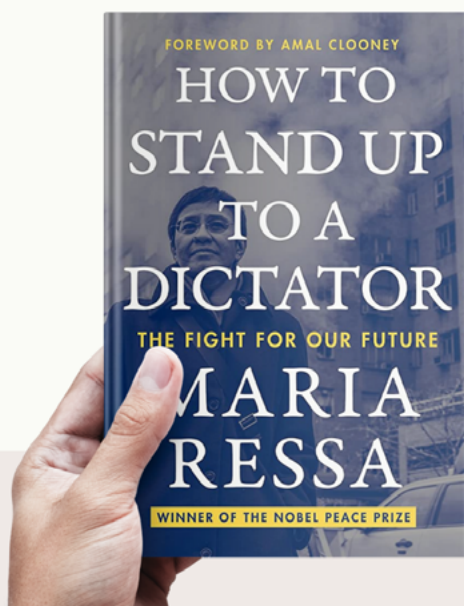
Kết quả, gia đình Nguyễn Kỳ người thì bị Việt Minh đấu tố trong Cải cách Ruộng đất, người thì bị Việt Minh ép phải đấu tố bố mình, người thì trở thành lãnh đạo cấp cao của đảng, người thì bị quảng quật trong vụ Nhân văn Giai phẩm và vụ án xét lại chống đảng, người thì lang bạt vào Nam rồi cuối cùng đi vượt biên và trở thành Việt kiều.

Những bi kịch của gia đình Nguyễn Kỳ còn được Hoàng Minh Tường tài tình đan xen vào bi kịch của nữ cán bộ cách mạng Đào Thị Cam và chuẩn tướng Trương Phiến, cùng với hàng loạt cuộc đời của giới văn nghệ sĩ, tiểu tư sản ở Hà Nội cũng như nhiều nhân vật ở miền Nam từng sống dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Người phải chịu đựng đủ các hậu quả của đủ các loại “công cuộc” do đảng lãnh đạo dường như là nhà thơ, nhà văn tài năng Nguyễn Kỳ Vỹ, người con trai thứ hai của ông bà Cử Phúc. Từ Cải cách Ruộng đất, cho tới vụ Nhân văn Giai Phẩm, cho tới cuộc cải tạo công thương nghiệp, rồi cho tới cả vụ án xét lại chống đảng. Nhưng chi tiết có lẽ là thú vị bậc nhất trong tiểu thuyết này - dĩ nhiên là dưới góc nhìn của tôi - là ánh mắt của nhà tuyên huấn lỗi lạc Nguyễn Kỳ Khôi trước số vàng bạc của nà mà bà vợ ông đã âm thầm tích góp suốt những tháng năm ông đi rao giảng về cơn giãy chết của chủ nghĩa tư bản, và rồi sau này chính bà biến thành một cơ ngơi đồ sộ giữa thời buổi kinh tế thị trường.

Đứa con ngoài giá thú của nhà tuyên huấn Nguyễn Kỳ Khôi sẽ khiến độc giả ngỡ ngàng, không những bởi vì ta sẽ dễ dàng nhận ra nguyên mẫu ngoài đời thực của anh ta là ai, mà còn vì anh là biểu tượng không thể hoàn hảo hơn cho cái chết của thứ tư tưởng mà cả đời ông Khôi tin tưởng.

□



ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

HỒI KÝ CỦA MỘT NHÀ BÁO CHỐNG LẠI MỘT KẺ ĐỘC TÀI

Giữ vững niềm tin dù bóng đêm tuyên truyền vây phủ trên đầu.

Trần Quỳnh Vi

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 16/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Nhà báo Maria Ressa không chỉ nổi tiếng ở châu Á mà còn trên toàn thế giới, đặc biệt là sau khi bà nhận giải Nobel Hòa bình cùng với nhà báo Dmitry Muratov người Nga vào năm 2021. Ressa là người sáng lập, điều hành tờ báo mạng Rappler tại Philippines. Vài năm trở lại đây, bà và tờ báo phải đối mặt với rất nhiều vấn đề pháp lý hình sự.

Ressa có thể chọn một cuộc sống hạnh phúc êm đềm và giàu có tại Mỹ, đó là nơi bà trưởng thành và theo học tại một ngôi trường danh tiếng - Đại học Princeton. Vậy vì lý do gì mà một người Philippines đã rời đất nước khi mới 10 tuổi lại quay về để phát triển báo chí nước nhà, và còn dùng cả cuộc đời để bảo vệ tự do báo chí và nền dân chủ ở nơi đó? Cuốn sách mới nhất của Ressa sẽ cho chúng ta câu trả lời.

Đọc cuốn “How to Stand Up To a Dictator, The Fight of Our Future” (tạm dịch: Làm sao để chống lại một kẻ độc tài - Cuộc chiến cho tương lai chúng ta), độc giả sẽ biết được rằng Maria Ressa vẫn chọn ở lại Philippines để chiến đấu cho nền dân chủ nước này, dù đã có quốc tịch Mỹ.

Bà Ressa cùng tờ Rappler đã và đang vướng vào các vấn đề pháp lý không phải vì họ phạm tội hình sự như chính phủ cáo buộc, mà chỉ vì họ đang làm báo độc lập. Theo nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế như Human Rights Watch, Amnesty International, và The Committee to Protect Journalists (CPJ), chính phủ của Tổng thống Rodrigo Duterte đã dùng những tội danh như “trốn thuế” và “phỉ báng trên mạng” (cyber libel) để đàn áp tự do báo chí.

Cuốn sách này có thể được xem là một dạng hồi ký. Đó là hồi ký của một phóng viên về cuộc đời và sự nghiệp làm báo, cũng như những giá trị của chính mình mà bà quyết tâm theo đuổi.

Vì Ressa là một phóng viên, câu chuyện bà viết rất mạch lạc và dễ đọc. Người đọc được dẫn dắt để đi từ cuộc đời của một bé gái nhỏ người, đơn độc, mồ côi cha, đến từ Philippines rồi bắt đầu cuộc sống với cha dượng và mẹ tại tiểu bang New Jersey. Cô gái đó đã trưởng thành tại Mỹ, nhưng kể từ khi chứng kiến người dân Philippines lật đổ nhà độc tài Ferdinand Marcos vào năm 1986 trong cuộc Cách mạng Quyền lực Nhân dân (People Power) hay còn được gọi là Cách mạng EDSA tại thủ đô Manila, cô quyết tâm trở về quê mẹ để bắt đầu sống và làm báo ở đó.

Maria Ressa quyết định theo đuổi ngành báo chí, và bà trở thành một nhà báo tại Philippines sau khi hoàn thành khóa học từ học bổng Fulbright. Gia đình của bà tại Mỹ không thể tưởng tượng nổi trước quyết định này, họ cho rằng bà trở nên quá điên cuồng cho nền dân chủ non nớt tại Philippines. Ressa từ đó cho đến tận

hôm nay vẫn luôn đề cao công việc và giá trị của những nhà báo, của báo chí tự do, để xây dựng cũng như bảo vệ nền dân chủ.

Cuốn sách này được xuất bản vào tháng 11/2022, khi Ressa vẫn đang đối mặt với những cáo buộc về tội trốn thuế và phỉ báng trên mạng. Nếu bị buộc tội, bà có thể phải đối diện với mức án hơn 100 năm tù, nhưng bà vẫn không sờn lòng hay sợ hãi. Nhiều người vẫn thường nhắc đến câu nói “Hold the Line” của bà (tạm dịch: Hãy giữ vững niềm tin). Niềm tin đó là một niềm tin vào giá trị của nghề báo và của các nhà báo, một ngành nghề được Hiến pháp Mỹ và Hiến pháp Philippines bảo vệ. Công việc viết báo cũng được đưa vào các quyền con người ở Điều 19, Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc.

Ressa viết rất rõ trong sách, bà không hoảng sợ và đầu hàng khi bị chính quyền Duterte cáo buộc các tội hình sự, vì bà tin vào hệ thống tư pháp tại Philippines. Lòng can đảm của Ressa đã và đang truyền cảm hứng cho rất nhiều nhà báo ở khắp nơi trên thế giới. Bà đã không chọn trở về Mỹ, quê hương thứ hai của mình, để được bảo vệ và chở che. Bà vẫn tiếp tục sống tại Manila, Philippines và tiếp tục công việc của mình tại tờ báo Rappler.

Cuốn sách của Ressa không chỉ tự thuật về nghề báo của cá nhân bà hay là về Rappler. Câu chuyện mà bà kể còn nói về những vấn đề mà nền báo chí thế giới cần phải tiếp tục chiến đấu nếu muốn dùng ngòi viết của mình chống lại độc tài và xây dựng những quốc gia dân chủ. Những điều bà viết có thể sẽ trở thành nguồn cảm hứng cho các nhà báo tự do sống tại những nơi có nền chính trị độc tài, toàn trị.

Khi các công ty công nghệ như Meta - chủ sở hữu của Facebook - sẵn sàng vì lợi nhuận mà đánh đổi quyền tự do báo chí ở một số nơi, hợp tác với các chính quyền độc tài. Hay, các thông tin giả được loan truyền một cách mạnh mẽ trên mạng xã hội và những tin tức trung thực từ các tờ báo tự

do thì bị xử lý nhanh chóng nhằm đè bẹp chúng trong dòng thác thông tin ở những nơi đó. Thế thì nhà báo phải nên làm thế nào? Bà Ressa lấy bản thân bà trong cuộc đối đầu với chính phủ Duterte để khuyến khích những nhà báo khác “hãy giữ vững niềm tin”, hãy tiếp tục dùng những dữ liệu trung thực để viết bài và mang tin tức đến cho công chúng.

Vào tháng 1/2023, một số tội danh của Ressa đã được một tòa án phúc thẩm tại Philippines bác bỏ. Đó là một chiến thắng cho người cầm bút như bà Ressa. Tuy nhiên, vẫn còn đó những cáo buộc về tội phỉ báng trên mạng.

Rất nhiều các tổ chức nhân quyền quốc tế yêu cầu tòa án Philippines bác bỏ những cáo buộc này, vì họ cho rằng đây là cáo buộc mang tính chính trị để đàn áp quyền tự do báo chí. Nền báo chí tại Philippines đã xuống dốc khá nhiều trong những năm qua khi số người viết bị đàn áp, bị cầm tù, và cả bị giết không minh bạch tăng cao. Bất chấp thực tế như vậy, Ressa vẫn tiếp tục làm báo tại đảo quốc này và tiếp tục cổ xúy người cầm bút “giữ vững niềm tin”.

Con đường của những nhà báo chọn đi chung với Ressa có thể sẽ không bằng phẳng và có lắm hiểm nguy, nhưng đó là con đường chống lại độc tài và là cách mà chúng ta chiến đấu cho tương lai của chính mình. Cuốn sách của bà là một ngọn đuốc nhỏ cho những nhà báo tự do khi họ cầm bút hay gõ phím ở những nơi mà bóng đêm tuyên truyền của chính quyền độc tài vẫn đang bao phủ. □



ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

PHÁ VỠ NHỊ NGUYÊN GIỚI CÓ GÂY NÊN RẮC RỐI CHO XÃ HỘI?

*Gây rắc rối là chuyện tất yếu,
nhưng sao cho hiệu quả nhất.*

Thiên Tân

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 23/5/2023.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.

Từ hơn 30 năm trước, khi các vấn đề về nữ quyền và bình đẳng giới vẫn còn lặn lăm ở nhiều quốc gia, triết học gia Judith Butler đã kêu gọi tạo ra “rắc rối giới” (gender trouble) trong xã hội qua việc phá vỡ hệ nhị nguyên giới. Họ [1] cho rằng giới không nên bắt nguồn từ giới tính sinh học, xã hội chỉ đang chuẩn mực hóa và tạo ra những ảo tưởng về nhị nguyên giới.

Hệ nhị nguyên giới vốn phân chia loài người thành hai thái cực đối lập là nam và nữ. Ai sinh ra mang giới tính sinh học là nam thì sẽ có ngoại hình, tính cách, cách ăn mặc hay hành vi theo quy chuẩn của xã hội về một người nam, cũng như bị hấp dẫn bởi người nữ khác, và ngược lại.

Tuy vậy, những điều này tạo nên sự phân biệt đối xử và kỳ thị với những người không có thể hiện giới theo các quy chuẩn

của xã hội về giới tính mà họ đang có, hay người có bản dạng giới khác với chỉ định giới.

Judith Butler công khai mình là một người đồng tính nữ từ năm 16 tuổi, kể từ đó họ phải trải qua tháng ngày bị kỳ thị từ những người xung quanh. Tất cả những điều này tác động khiến Butler suy nghĩ về các quy chuẩn của xã hội mà mình buộc phải chấp nhận, từ đó họ đấu tranh cho bình đẳng giới, cho những người không theo quy chuẩn giới thông thường.

Quan điểm về nữ quyền, bình quyền, cũng như phương pháp lập luận của Butler được thể hiện rất rõ trong cuốn sách “Rắc Rối Giới”. Cuốn sách đã được dịch sang tiếng Việt, và là bản dịch đầu tiên của tác phẩm này ở Đông Nam Á, do Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam phát hành vào năm 2022. Cuốn sách này là một công trình nghiên cứu rất quan trọng về quyền của phụ nữ và nhóm người yếu thế, có sức ảnh hưởng rộng khắp, trực tiếp thách thức những quan điểm truyền thống về giới.

Để có nữ quyền, Judith Butler cho rằng cần phải có nữ học. Trong tác phẩm của mình, họ dùng phương pháp phê bình nội tại (immanent critique) để phê phán các đối tượng dựa trên các khía cạnh của chính nó, thay vì lấy các tiêu chuẩn bên ngoài để làm rõ sự thiếu nhất quán của đối tượng.

Chẳng hạn, trong nhiều xã hội, người ta cho rằng đồng tính luyến ái là phiên bản bất chuẩn của dị tính luyến ái. Dị tính vốn là cái nguyên bản, còn đồng tính chỉ là bản sao. Tuy nhiên, theo Butler thì “mọi giới đều là diễn giới, theo nghĩa là sự mô phỏng những ảo tưởng về việc thế này là nam và thế kia là nữ. Cho nên, không có bản gốc, mà chỉ có các bản sao. Không những thế, dị tính phải có đồng tính để tự định nghĩa mình là bình thường, quy chuẩn, tự nhiên, nguyên gốc.”

Ngoài ra, thay vì đồng ý theo quan điểm nguyên nhân của dị tính luyến ái là bởi vì con người chỉ có hai giới tính nam và nữ, là hai cực vừa trái dấu vừa hút nhau, thì Butler lại cho rằng đây chỉ là kết quả. Dị tính luyến ái đã tạo ra một xã hội có hai thái cực, khiến chúng ta lầm tưởng rằng chúng có trước xã hội, văn hóa và diễn ngôn.

Judith Butler kiên quyết phân tách rạch ròi giới tính, giới, và ham muốn của một chủ thể. Judith Butler đặt câu hỏi: “Ở mức độ nào thì giới tính, giới, và tính dục mới được gọi là hòa hợp, đồng nhất ở một người? Ở mức độ nào thì bản dạng giới là một chuẩn mực lý tưởng, chứ không phải là miêu tả trải nghiệm riêng của người đó?” Hỏi như thế, nghĩa là họ đang muốn gợi ý rằng giới tính chỉ mang tính trình diễn và nó hoàn toàn có thể thay đổi rất linh hoạt tùy thuộc vào hoàn cảnh.

Chưa hết, Butler không cho rằng những người không có sự hòa hợp giữa giới tính, giới, và tính dục là không bình thường, kỳ dị, hay có bệnh, cần được khám và chữa bệnh; mà họ khẳng định chính hệ thống dị tính luyến ái buộc chúng phải bị định nghĩa như thế, tức là loại trừ hết các đặc tính không khớp với chuẩn mực tự đặt ra, để đẩy những đặc tính này thành cái khác, cái lệch lạc.

Judith Butler và công trình của họ vẫn được sử dụng, giảng dạy, thảo luận, v.v. cho đến tận ngày nay vì đã phá tan những suy nghĩ lè lỏi cũ kỹ. Nếu đặt tác phẩm này ở bối cảnh xã hội của Việt Nam - khi các vấn đề về nữ quyền và bình quyền vẫn chưa thật sự đi vào cuộc sống, ta có thể thực tế hóa những ý tưởng của Butler như thế nào, và khiến xã hội Việt Nam “rắc rối” hơn ra sao?

Từ lần xuất bản đầu tiên, Butler đã nói về “rắc rối” trong tác phẩm của mình: “Có lẽ rắc rối không cần mang giá trị tiêu cực như vậy. Gây rắc rối, trong diễn ngôn thống trị của tuổi thơ tôi, là điều ta không bao giờ

nên làm chính vì nó sẽ khiến ta gặp rắc rối. Những hành động nổi loạn hình như luôn bị khiển trách theo kiểu luẩn quẩn này, một hiện tượng giúp tôi có cái nhìn phản biện tinh tường đầu tiên về mưu mẹo kín kẽ của quyền lực: luật lệ hiện hành đe dọa, thậm chí gây rắc rối cho ta, tất cả chỉ hòng tách ta ra khỏi “rắc rối”.

Chính quyền và xã hội Việt Nam không phải là không muốn quyền bình đẳng giữa các giới tính và những nhóm người trong xã hội, chỉ là họ không biết làm sao cho đúng, hoặc ngộ nhận những gì mình đang làm là đã đúng đắn. Nhóm chiếm đa số và hưởng những quyền lợi đương nhiên trong xã hội - chẳng hạn như đàn ông hay người Kinh, không có nhiều cơ hội để tìm hiểu về nhu cầu cơ bản của nhóm người thiểu số - ví dụ người đồng tính hoặc người thuộc nhóm dân tộc thiểu số, dẫn đến sự thiếu thấu hiểu và thông cảm cho nhau.

Tác phẩm “Rắc Rối Giới” của Judith Butler mở ra rất nhiều cơ hội thảo luận về quyền bình đẳng tại Việt Nam, trong bối cảnh nhóm thiểu số đấu tranh cho quyền cơ bản của mình là chuyện không phải dễ dàng gì, cũng như định kiến xã hội vẫn còn nặng nề. Những thảo luận về giới, bình đẳng giới, quyền cho nhóm thiểu số ở Việt Nam vẫn còn hạn chế; song gần đây chúng ta đã chứng kiến được sự gia tăng của số người quan tâm cũng như những đối thoại cởi mở.

Trong một xã hội còn đó những quan điểm cũ kỹ và lối tư duy khép kín, thì việc gây rắc rối là “tất yếu, và nhiệm vụ của chúng ta là gây rắc rối, là gặp rắc rối, sao cho hiệu quả nhất”. □



RA MẮT

THƯ VIỆN

ĐIỆN TỬ LUẬT KHOA

và Bộ sưu tập sách Việt Nam Cộng hòa

Ngày 1/6/2023

Đón đọc chi tiết tại:
www.luatkhoa.com

VIẾT THƯ CHO TRANG

A background illustration in a sketchy, painterly style. It depicts three people sitting at a desk, focused on writing letters. On the left, a young woman with long dark hair is writing. In the center, an older man with glasses and a mustache is writing. On the right, a young man is writing. The desk is cluttered with papers, some of which are floating in the air, suggesting a sense of urgency or a large volume of correspondence. The overall color palette is muted, with soft pinks, blues, and greys.

Nhà báo Phạm Đoan Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoan Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

Phạm nhân Phạm Thị Đoan Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoan Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ân xá Quốc tế hỗ trợ.

Sạp báo LUẬT KHOA

Nơi bày bán các ấn phẩm của Luật Khoa tạp chí



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org

CHÚ THÍCH

DIỄN NGÔN VỀ NHÂN QUYỀN TRONG EVFTA CÓ ĐANG MẤT DẦN GIÁ TRỊ Ở VIỆT NAM?

1. Hutt, D. (2022, April 26). EU under pressure to get tough on Vietnam rights record. dw.com. <https://www.dw.com/en/eu-under-pressure-to-get-tough-on-vietnam-rights-record/a-61595403>
2. World Bank Group. (2023). Taking Stock: Vietnam Economic Update, March 2023. In World Bank. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/taking-stock-vietnam-economic-update-march-2023>
3. Ha Hai Hoang, & Maria Garcia. (2022). The Vietnam-European Union Free Trade Agreement: Victim of Changing Times? In The European Union in international affairs (pp. 295–317). Springer International Publishing. https://doi.org/10.1007/978-3-030-81281-2_13
4. Marslev, K., & Staritz, C. (2022). Towards a stronger EU approach on the trade-labor nexus? The EU-Vietnam Free Trade Agreement, social struggles and labor reforms in Vietnam. Review of International Political Economy, 1–26. <https://doi.org/10.1080/09692290.2022.2056903>
5. Việt Nam dự kiến phê chuẩn thêm 15 công ước của ILO trong 10 năm tới. (2021, May 20). Vietnamplus. <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-du-kien-phe-chuan-them-15-cong-uoc-cua-ilo-trong-10-nam-toi/714902.vnp>
6. Khanh Nguy Thi. (n.d.). Goldman Environmental Prize. <https://www.goldmanprize.org/recipient/khanh-nguy-thi/>
7. MEPs travelled to Vietnam to assess the human rights situation in the country | EEAS. (n.d.). <https://www.eeas.europa.eu/delegations/vietnam/meps-travelled-vietnam-assess-human-rights-situation-country-en?#184>
8. Hutt, D. (2022b, April 26). EU under pressure to get tough on Vietnam rights record. dw.com. <https://www.dw.com/en/eu-under-pressure-to-get-tough-on-vietnam-rights-record/a-61595403>

KHI NÀO GIỚI QUAN CHỨC TRỞ THÀNH “MỤC TIÊU HỢP LÝ” TRONG XUNG ĐỘT VŨ TRANG QUỐC TẾ?

1. Gorobets, K. (2022). Russian “Special Military Operation” and the Language of Empire. *Opinio Juris*. <https://opiniojuris.org/2022/05/24/russian-special-military-operation-and-the-language-of-empire/>
2. Ilyushina, M. (2022, December 22). Putin declares ‘war’ – aloud – forsaking his special euphemistic operation. Washington Post. <https://www.washingtonpost.com/world/2022/12/22/putin-war-ukraine-special-operation/>
3. International Committee of the Red Cross. (2015, January 22). What are jus ad bellum and jus in bello? International Committee of the Red Cross. <https://www.icrc.org/en/document/what-are-jus-ad-bellum-and-jus-bello-0>
4. Bùi Công Tụng. (2023). Tại sao chiến tranh không nên là “còn cái lại quân cũng đánh”? Luật Khoa tạp chí. <https://www.luatkho.vn.com/2022/03/tai-sao-chien-tranh-khong-nen-la-con-cai-lai-quan-cung-danh/>
5. Dr Agnieszka Jachec-Neale. (n.d.). Targeting State and Political Leadership in Armed Conflicts. Scholarship@Vanderbilt Law. <https://scholarship.law.vanderbilt.edu/vjtl/vol51/iss3/18/>

6. Presidential Authority as Commander in Chief of the Air Force. (1947, August 26). <https://www.justice.gov/file/20626/download>
7. The National People's Congress of the People's Republic of China. (n.d.). http://www.npc.gov.cn/zgrdw/englishnpc/Constitution/2007-11/15/content_1372966.htm
8. Xem [7]
9. Constitution of Ukraine. (1996, June 28). Refworld. <https://www.refworld.org/pdfid/44a280124.pdf>
10. Chapter 4. The President of the Russian Federation | The Constitution of the Russian Federation. (n.d.). (C)2001 Garant-Internet, www.garweb.ru. <http://www.constitution.ru/en/10003000-05.htm>
11. Chapter 4 Customary international law and the First Geneva Protocol of 1977 in the Gulf conflict. (1993). Taylor Francis. <https://www.taylorfrancis.com/chapters/edit/10.4324/9780203992548-5/chapter-4-customary-international-law-first-geneva-protocol-1977-gulf-conflict-christopher-greenwood>
12. Toàn văn Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam. (2013, November 28). Người Lao Động. <https://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/toan-van-hien-phap-nuoc-chxhcn-viet-nam-201311281149826.htm>

ÀO ANH TRUNG LƯU Ở VIỆT NAM

1. Mantios Gregory (2007), “Media Magic: Making Class Invisible” in Race, Class and Gender in the United States, 7th ed., Rothenberg Paula S., ed. New York, NY: Worth Publishers, 636–44.
2. Paulson, E. L., & O’Guinn, T. C. (2018). Marketing Social Class and Ideology in Post-World-War-Two American Print Advertising. *Journal of Macromarketing*, 38(1), 7–28. <https://doi.org/10.1177/0276146717733788>
3. Reeves, R. V., Guyot, K., & Krause, E. (2018, May 7). Defining the middle class: Cash, credentials, or culture? Brookings; Brookings. <https://www.brookings.edu/research/defining-the-middle-class-cash-credentials-or-culture>
4. Most Vietnamese think they belong to ‘middle class’. (n.d.). VietNamNet News. <https://vietnamnet.vn/en/most-vietnamese-think-they-belong-to-middle-class-E152887.html>
5. Burrage, R. (2023, April 12). Vietnam economic class and rising affluence. Market Research Vietnam Indonesia. <https://www.cimigo.com/en/vietnam-economic-class/>

“TIÊU CHUẨN KÉP” KHI ỨNG XỬ VỚI NGHỀ BÓI TOÁN?

1. Women Soothsayers: The Vietnamese Want to Know Their Fate. (1973, August 3). The New York Times. <https://www.nytimes.com/1973/08/03/archives/women-soothsayers-the-vietnamese-want-to-know-their-fate-customers.html>
2. Đứng làm theo, sai hãy sửa. (2023, February 11). Sài Gòn Giải Phóng. <https://www.sggp.org.vn/dung-lam-theo-sai-hay-sua-post678358.html>
3. Xem [1].
4. Xem [1].
5. Khi chiêm tinh gia trở thành công cụ chính trị. (2014, March 5). Báo Công an Nhân Dân. <https://cand.com.vn/Ho-so-mat/Khi-chiem-tinh-gia-tro-thanh-cong-cu-chinh-tri-1308673/>
6. Cái cũ, cái mới trong văn hóa. (2023, February 26). Đà Nẵng Online. <https://baodanang.vn/channel/5433/202302/ky-niem-80-nam-de-cuong-van-hoa-viet-nam-cai-cu-cai-moi-trong-van-hoa-3938542/>
7. Quyết định 1019/QĐ-TCTK 2008 danh mục nghề nghiệp áp dụng cho điều tra dân số.

- (2008, November 12). Luật Việt Nam. <https://luatvietnam.vn/dat-dai/quyet-dinh-1019-qd-tctk-2008-danh-muc-nghe-nghiep-ap-dung-cho-dieu-tra-dan-so-173575-d1.html>
8. Cần sớm ngăn chặn hành vi lừa đảo của Lê Thanh Vọng. (2008, October 17). <https://cand.com.vn/Xa-hoi/Can-som-ngan-chan-hanh-vi-lua-dao-cua-Le-Thanh-Vong-168142/>
9. Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam. (2020). Thư Viện Pháp Luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyết-dinh-34-2020-QĐ-TTg-Danh-muc-nghe-nghiep-Viet-Nam-su-dung-trong-thong-ke-ve-lao-dong-458436.aspx>
10. Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. (2020, February 3). Thư Viện Pháp Luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghiep-thong-tin/Quyết-dinh-15-2020-NĐ-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-buu-chinh-vien-thong-tan-so-vo-tuyen-dien-350499.aspx>
11. Nghị định số 38/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo. (2021). Thư Viện Pháp Luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-38-2021-NĐ-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-van-hoa-quang-cao-469165.aspx>
12. Bộ luật Hình sự hợp nhất. (2017). Thư Viện Pháp Luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPOH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx>
13. Writer, K. I. N. S. (2018, March 15). For the truth, go to a Taiwan fortunetelling booth. Nikkei Asia. <https://asia.nikkei.com/Location/East-Asia/Japan/For-the-truth-go-to-a-Taiwan-fortunetelling-booth>
14. In Taiwan, Fortunetellers Are the Preferred Form of Therapists. (2020). Vice. <https://www.vice.com/en/article/3an8jb/taiwan-fortunetellers-therapists-mental-health>
15. Xem [13]
16. When Is Fortune-Telling a Crime? (2014). The Atlantic. <https://www.theatlantic.com/business/archive/2014/11/when-is-fortunetelling-a-crime/382738/>
17. State High Court Rules Out Ban on Fortune-Tellers. (1985). Los Angeles Times. <https://www.latimes.com/archives/la-xpm-1985-08-16-mn-2995-story.html>
18. Xem [16].
19. Obscure Crimes: Fortune Telling is Illegal in Pennsylvania. (2013). McClenahan Law Firm P.C. <https://www.mattmlaw.com/blog/2013/10/obscure-crimes-fortune-telling-is-illegal-in-pennsylvania/>

SAMTEN HILLS DALAT VÀ CÁC TRUNG TÂM THIỀN CỦA MẬT TỔNG CỎ NĂM NGOÀI VÒNG VÂY KIỂM SOÁT TÔN GIÁO?

1. Trao chứng nhận “Không gian văn hóa tâm linh” tại Samten Hills Dalat. (2023, March 7). Báo Tuổi Trẻ. <https://web.archive.org/web/20230423031850/https://tuoitre.vn/trao-chung-nhan-khong-gian-van-hoa-tam-linh-tai-samten-hills-dalat-20230307155108706.htm>
2. P.Q. (2023, March 16). Những điều chưa biết về Đại Bảo tháp Kinh Luân tại Samten Hills Dalat. Tuổi Trẻ Online. <https://tuoitre.vn/nhung-dieu-chua-biet-ve-dai-bao-thap-kinh-luan-tai-samten-hills-dalat-20230316164036476.htm>
3. 0303599369 - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI KIM PHÁT. (n.d.). Ma so Thue. <https://masothue.com/0303599369-cong-ty-tnhh-san-xuat-thuong-mai-kim-phat>

4. Chú đầu từ Samten Hills Dalat lên tiếng trước những ồn ào du lịch. (2023, April 20). Báo Pháp Luật. <https://web.archive.org/web/20230421071358/https://baophapluat.vn/chu-dau-tu-samten-hills-dalat-len-tieng-truoc-nhung-on-ao-du-luan-post473055.html>

5. TRUNG TÂM THIỀN DRIGUNG KAGYU SAMTEN LING VIETNAM, TRÁI TIM CỦA SAMTEN HILLS DALAT. (n.d.). Samten Hills. <https://web.archive.org/web/2023042154443/https://samtenhills.vn/en/>

6. Khánh thành Không gian văn hóa Tâm Linh Phật giáo Kim Cương thừa ở Lâm Đồng. (2023, March 7). Báo Lao Động. <https://dulich.laodong.vn/tin-tuc/khanh-thanh-khong-gian-van-hoa-tam-linh-phat-giao-kim-cuong-thua-o-lam-dong-1155082.html>

7. Chuỗi sự kiện Khánh thành Không gian văn hóa tâm linh - trái tim của Samten Hills Dalat. (2023, March 13). Drigung Kagyu Samten Ling Vietnam. <https://tinyurl.com/28pdvrv5>

8. The Kagyu Lineage. (n.d.). Kagyu. <https://kagyuoffice.org/kagyu-lineage/>

9. Khai trương trung tâm thiền định Drigung Kagyud Ling. (2020, September 8). https://drive.google.com/file/d/1p7BHK8zmSRj87dUCRz1Qb_nsxS371ib/view?usp=sharing

10. Xem [8].

11. World Wide Center. (n.d.). Drigung Kagyu. <https://www.drikung.org/asia/>

12. Cuộc đời thiền sư Thích Nhất Hạnh. (2022, January 22). Luật Khoa. <https://www.luatkhoea.com/2022/01/20/cuoc-doi-cua-thien-su-thich-nhat-hanh/>

13. Lâm rõ hoạt động dự án Samten Hills Dalat có bảo tháp đặt vàng lớn nhất thế giới. (2023, March 31). Báo Người Lao Động. <https://web.archive.org/web/20230421070633/https://nld.com.vn/thoi-su/lam-ro-hoat-dong-du-an-samten-hills-dalat-co-bao-thap-dat-vang-lon-nhat-the-gioi-20230331101947229.htm>

14. Thêm thông tin về hoạt động của dự án Samten Hills Dalat. (2023, April 7). Đối Sóng Pháp Luật. <https://web.archive.org/web/20230424145253/https://www.doisongphapluat.com/them-thong-tin-ve-hoat-dong-cua-du-an-samten-hills-dalat-a571522.html>

CÁC ĐÒNG TRUYỀN THỪA MẬT TỔNG ĐANG TĂNG CƯỜNG SỰ HIỆN DIỆN Ở VIỆT NAM

1. “Đại Bi Tịnh Lạc” - Tháp sáng ngọn lửa mãnh liệt của Bi - Trí - Dũng. (2023, April 18). Sakya Tsechen Shiday Choeling Vietnam (Facebook Page). <https://tinyurl.com/23hspphv>

2. Văn Tầm. (2023). Samten Hills Dalat và các trung tâm thiền của Mật tông có nằm ngoài vòng vây kiểm soát tôn giáo? Luật Khoa Tạp Chí. <https://www.luatkhoea.com/2023/05/samten-hills-dalat-va-cac-trung-tam-thien-cua-mat-tong-co-nam-ngoai-vong-vay-kiem-soat-ton-giao/>

3. Tibetan Refugees in a Decade of Exile. (1970). Pacific Affairs, Vol. 43(No. 3 (Autumn, 1970)), 410-420 (11 pages). <https://tinyurl.com/mrxvte64>

4. 1959 Tibetan Uprising - Tibetans slaughtered during Uprising. (n.d.). Free Tibet. <https://web.archive.org/web/20120505063139/http://freetibet.org/about/1959-tibetan-uprising>

5. The Agendas of Tibetan Refugees. (2015). Google Books. https://www.google.com.vn/books/edition/The_Agendas_of_Tibetan_Refugees/uipRCgAAQBAJ?hl=en&gbpv=0

6. After 60 years in India, why are Tibetans leaving? (2019, March 21). Al Jazeera. <https://www.aljazeera.com/features/2019/3/21/after-60-years-in-india-why-are-tibetans-leaving>

7. Xem [6]

8. Xem [6].

9. Hành trì Mật tông Tây Tạng Tại Việt Nam. (2008, November 20). Giác Ngộ Online. <https://giacngo.vn/hanh-tri-mat-tong-tay-tang-tai-viet-nam-post1909.html>

10. Hành trì Mật tông Tây Tạng Tại Việt Nam. (2008a, November). Giác Ngộ Online. <https://giacngo.vn/hanh-tri-mat-tong-tay-tang-tai-viet-nam-post1909.html>

11. Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa đời thứ XII thăm chùa Hoàng pháp. (2008, November). Chùa Hoàng Pháp. <https://www.chuaHoangPhap.com.vn/tin-tuc/chi-tiet-duc-phap-vuong-gyalwang-drukpa-doi-thu-xii-tham-chua-hoang-phap-377/>

12. Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa đời thứ XII tại chùa Tây Thiên ngày 19/03. (2010). Drukpa Việt Nam. <https://www.drukpa vietnam.org/duc-phap-vuong-gyalwang-drukpa-doi-thu-xii-tai-chua-tay-thien-ngay-1903>

13. Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa đến TP.HCM. (2011). Tuổi Trẻ. <https://tuoitre.vn/duc-phap-vuong-gyalwang-drukpa-den-thp-hcm-465401.htm>

14. Tăng đoàn Phật giáo Ấn Độ và Bhutan thiện hạnh tại Việt Nam. (2013). Dân Trí. <https://dantri.com.vn/xa-hoi/tang-doan-phat-giao-an-do-va-bhutan-thien-hanh-tai-viet-nam-1365833675.htm>

15. Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa đến Việt Nam. (2014). Người Lao Động. <https://nld.com.vn/thoi-su/duc-phap-vuong-gyalwang-drukpa-den-viet-nam-20140331160718255.htm>

16. Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa tự hào vì ở Việt Nam đứng dịp Trung thu. (2015, September). VTV. <https://vtv.vn/xa-hoi/duc-phap-vuong-gyalwang-drukpa-tu-hao-vi-o-viet-nam-dung-dip-trung-thu-20150927112651013.htm>

17. Lễ bổ nhiệm trụ trì bảo tháp Mandala Tây Thiên. (2016). VnExpress. <https://web.archive.org/web/20230505145918/https://vnexpress.net/le-bo-nhiem-tru-tri-bao-thap-mandala-tay-thien-3118874.html>

18. Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa chia sẻ về “thành công” với 300 doanh nhân, trí thức. (n.d.). Đại Báo Tháp Mandala Tây Thiên. <https://daibaotahtapmandalataythien.org/duc-phap-vuong-drukpa chia-se-ve-thanh-cong-voi-300-doanh-nhan-tri-thuc>

19. Đức Gyalwang Drukpa nói về hạnh phúc với 500 doanh nhân, trí thức TP HCM. (2018). VnExpress. <https://vnexpress.net/duc-gyalwang-drukpa-noi-ve-hanh-phuc-voi-500-doanh-nhan-tri-thuc-tp-hcm-3730534.html>

20. Đức Gyalwang Drukpa chủ trì đại lễ cầu an, cầu siêu tại Tây Thiên. (2019). Người Lao Động. <https://nld.com.vn/thoi-su/duc-gyalwang-drukpa-chu-tri-dai-le-cau-an-cau-sieu-tai-tay-thien-20190218155026536.htm>

21. Pháp vương Gyalwang Drukpa trở lại Việt Nam sau bốn năm. (2023). VnExpress. <https://vnexpress.net/phap-vuong-gyalwang-drukpa-tro-lai-viet-nam-sau-bon-nam-4563458.html>

22. Đại sư Garchen Rinpoche viếng thăm chùa Tây Tạng tại Bình Dương. (2010). Thư Viện Hoa Sen. <https://thuvienhoasen.org/p122a18657/14/dai-su-garchen-rinpoche-vieng-tham-chua-tay-tang-tai-binh-duong>

23. Hoà Thượng Chetsang Rinpoche hoàng pháp tại Việt Nam. (2015). Phật Giáo Tỉnh Nam Định. <http://phatgiaonamdinh.vn/tin-tuc/tin-va-hoi/hoa-thuong-chetsang-rinpoche-hoang-phap-tai-viet-nam.html>

24. Ngài Drikung Kyabgön Chetsang thăm chùa Ba Vàng. (2016). Giác Ngộ Online. <https://giacngo.vn/ngai-drikung-kyabgon-chetsang-tham-chua-ba-vang-post34186.html>

25. Lịch hoàng pháp của Đức Kyabgon Chetsang Rinpoche. (2017, April). Viet Rigpa

Foundation. <http://vietrigpa.org/2017/04/27/lich-hoang-phap-cua-duc-kyabgon-chetsang-rinpoche/>

26. THÔNG BÁO CHUYỂN HOÀNG PHÁP CỦA ĐỨC DRIKUNG CHETSANG RINPOCHE NĂM 2018-2019. (2018). Thư Viện Hoa Sen. <https://thuvienhoasen.org/a30960/chuong-trinh-hoang-phap-cua-duc-drikung-kyabgon-chetsang-rinpoche-tai-viet-nam>

27. Phật Sự Online TV. (2022, June 22). PHẢI ĐOÀN ĐỒNG TRUYỀN THỪA DRIKUNG KAGYU AN ĐỘ, NEPAL THĂM HỌC VIỆN PGVN TẠI TP. HCM [Video]. YouTube. <https://www.youtube.com/watch?v=A1Lb8diRCbQ>

28. Long, L. Đ. (2023, March 7). Chính thức đón nhận chứng nhận Không gian văn hóa Tâm Linh Phật giáo Kim Cương thừa tại Việt Nam. Phật Giáo Việt Nam. <https://phatgiao.org.vn/chinh-thuc-don-nhan-chung-nhan-khong-gian-van-hoa-tam-linh-phat-giao-kim-cuong-thua-tai-viet-nam-d72435.html>

29. Tuyền V. (2017, October 24). Đức Sakya Trizin đời thứ 42 và đoàn PG Tây Tạng tại Ấn Độ thăm Việt Nam. Phật Giáo Việt Nam. <https://phatgiao.org.vn/duc-sakya-trizin-doi-thu-42-va-doan-pg-tay-tang-tai-an-do-tham-viet-nam-d28786.html>

30. BBC News Tiếng Việt. (2015, October 4). Vì sao VN mới Pháp Vương nhiều lần? BBC News Tiếng Việt. https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2015/10/151004_vovanai_phatvuong_nhanuoc

VÌ SAO CÁC CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN Ở ĐỒNG DƯƠNG ỨNG XỬ KHÁC NHAU TRONG VẤN ĐỀ TÔN GIÁO?

1. Howe, A. S. (2021). To co-opt or coerce? State capacity, regime strategy, and organized religion in Cambodia, Laos, and Vietnam. Asian Journal of Comparative Politics, 6(4), 389–404. <https://doi.org/10.1177/20578911211046063>

“THỜI CỦA THÁNH THẦN” VÀ NHỮNG KHÚC QUANG NGHIỆT NGẢ CỦA LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

1. BBCVietnamese.com | Việt Nam | Thu hồi “Thời của thánh thần.” (2023). Bbc.com. https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/story/2008/09/printable/080903_viet_novel_recalled

PHÁ VỠ NHỊ NGUYÊN GIỚI CÓ GÂY NÊN RẮC RỐI CHO XÃ HỘI?

1. Đại từ nhân xưng của Judith Butler là she/her (cô ấy) và they/them (họ), nhưng Butler muốn được gọi là “họ” hơn.

THEO DÕI

Luật Khoa tạp chí
để cập nhật các
bài viết hữu ích về
Nhân quyền, Dân
chủ, Pháp quyền.

Website luatkhoa.com hoặc luatkhoa.org
Facebook www.fb.com/luatkhoa.org
Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi
Youtube bit.ly/LK-Youtube
Store store.luatkhoa.com
Spotify spotify/3vcQD5x
Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi
Telegram t.me/s/luatkhoatc

Số tháng Sáu, 2023

LUẬT KHOA

tạp chí

1520 E. Covell Suite B5 - 426, Davis, CA 95616

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long

Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi, Phạm Đoan Trang

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về: bbt@mail.luatkhoea.org